TÔI CÓ ĐI CHƠI
bên nước Nhựt-Bổn và nước Tàu



BÙI-THANH-VÂN

Là người dân Pha-Ran-Say

Có lập tại Kinh-Đô Huế :

Trường nhạc Pha-Ran-Say

Trường nhạc Quảng-Đông

Trường hát bội An-nam chơi

Được thưởng những Mề-đay :

Médaille d'honneur de 2e classe en or

Médaille de la Mutualité en bronze

Médaille en argent de l'Alliance Française

Kim-Khánh de 2e classe

Kim-Tiền de 2e classe

Chevalier du Dragon d'Annam

Chevalier de l'ordre Royal du Cambodge

Médaille de Sisowath 1er

Médaille de Mouniséraphong

Médaille des Millions d'Eléphants



HUẾ

IMPRIMERIE DAC-LAP

BUI-HUY-TIN & Cie

1923

Tôi có đi chơi bên nước Nhựt-Bổn và nước Tàu

BÙI-THANH-VÂN





Lời bàn trước

Tôi làm sách nầy là có ý truyền lại cho thiên-hạ biết sự tích tôi đi chơi bên nước Nhựt-Bồn và nước Tàu. Như vậy rõ tôi không có bụng tham giấu biết riêng một mình.

Tôi dùng ròng tiếng Annam. Trừ đều chi nói tiếng mình không đặng, nên phải mượn tiếng nước khác. Đặt câu gọn, đọc vui và mau hết. Chớ làm câu dông dài, đọc buồn và ngán. Ấy là chìu lòng người nay.

Nếu tôi nói không hay và lầm quấy việc chi, tôi xin chịu lỗi trước.

BÙI-THANH-VÂN

Tôi có đi chơi bên nước Nhựt-Bổn và nước Tàu

NƯỚC NHỰT-BỔN

Xưa kia có một ông thánh-hiền Pha-Ran-Say dạy rằng người còn trẻ tuổi đi chơi xa thì thấy nhiều đều lạ mau khôn ngoan.

Còn tôi là người trí ít, tôi tưởng rằng mấy ông già đi chơi xa thì may đặng mạnh khỏe thêm và trẻ lại. Không khác như đi tắm nước suối người Pha-Ran-Say gọi là « Source de Jouvence ». Suối nầy bày ra nói chơi vậy mà thôi.

Cũng có người cãi lại rằng tôi đặng năm mươi lăm tuổi rồi, thì nên ở nhà ăn chơi cho sung-sướng, hơn đi xa, không biết chừng phải bỏ thây nước khác.

Họ nghĩ như vậy cũng phải lắm. Nhưng mà ý tôi nói rằng có tiền, chẳng nên ở nhà bo-bo giữ của luôn luôn thì cực thân cả đời.

Ngày 26 Juin 1923, tôi đặng về hưu-trí, qua premier Juillet, tôi vô Tourane. Ngày 4 Juillet, tôi xuống chiếc tàu Quế-hoa 桂花 của Các-Chú Quảng-Đông đi qua Hong-Kong 香港. Hạng nhì giá 25$00, mà không có chiếu, gối, mền. Bộ hành phải sắm mà ngủ. Làm tôi phải thuê của người dưới tàu mới có mà nằm. Ông chủ và ít người làm công dưới tàu hút nha-phiến. Kẻ khác thì đánh bạc.

Đi một ngày vừa thấy núi cù-lao Hải-nam, bên phía Đông. Ghe câu bốn buồm cả, có mấy trăm chiếc, vì từ sớm đến tối thấy luôn và đông lắm. Tôi đã qua nước France hai lần, không hề thấy ghe câu nhiều như vậy. Gặp bốn chiếc tàu mà thôi. Vì đường đi từ Tourane về Hong-Kong thì ít tàu. Đường đi từ Hong-kong về

Saigòn thì nhiều tàu mà chạy ngoài biển xa, nên không gặp đặng. Còn đường đi Hong-kong, về Hải-phòng, lại chạy đường khác, là về phía Tây cù-lao Hải-nam, nên mình không thấy đặng.

Một ngày rưởi nữa tới Hong-kong. Khi ở xa thì thấy núi nhiều lắm. Tàu tới xán neo đậu ngoài vũng. Mấy người bộ hành cọng là chín người. Trong số ấy có ba đứa con gái Annam ở Quảng-nam mặc áo Tàu đi theo vợ Các-Chú người Tàu về bển. Có người Các-Chú Quảng-đông ở Hội-an thuê một chiếc thuyền đi với tôi dắc nhau lên phố ngủ của người Quảng-đông hiệu là Vạn-Phương-Lầu 萬芳樓. Đi đò chèo dọc theo bờ hết bốn chục phút đồng hồ thì đến nhà ngủ. Trả tiền đò bốn đồng rưởi bạc, chở hai người và bốn năm món đồ nhỏ nhỏ mà thôi, vậy mắt quá.

Tại nhà ngủ thì có ông già Quảng-đông về ở đó hai năm nay bán quế. Ông ở Hội-an hơn bốn mươi năm. Ông là cha người Các-Chú đi về với tôi đó. Cũng buôn bán quế. Dưới lầu còn một cái buồng hai giường; mỗi cái giường giá một đồng bảy giác cả ăn cả ngủ. Thì tôi nằm một cái. Khi đến nhà ngủ thì mười một giờ tối. Mệt quá, trời nóng nực ngủ không đặng; phần thì ngay cái cống chính giữa sân hơi lên hôi thúi lắm. Tôi có dặn đừng cho ai thuê cái giường kia, đặng để tôi ngủ cho yên. Té ra lúc khuya nghe xô cửa rầm; tôi tưởng ăn cướp. May không phải; hai anh Các-Chú ở tỉnh Quảng-đông mới tới đặng trở qua xứ Chợ-lớn trong Gia-định làm ăn nữa. Họ nói tiếng Annam với tôi, nên tôi mới rõ. Rồi họ nằm chung một giường ngủ ngáy khò khò, còn tôi thức tới sáng.

Rủi cho tôi, vì sáng ngày là ngày chúa nhựt. Nhưng mà tôi mượn một người Các-Chú biết tiếng Annam dắc đường tôi đi. Người nầy, cách bốn năm trước, ở bên Saigon làm ăn. Nay về làm công hiệu nhà ngủ nầy, mà còn nhớ tiếng Annam giỏi. Dắc tôi đến tòa quan

Lãnh-Sự Pha-Ran-Sơ (Consulat de France) đặng xin ký giấy xuất cảng của tôi có đặng chăng (passeport) và đến nơi các sở hãng tàu hỏi thăm có tàu chạy sang Yokohama chưa. Té ra chỗ nào cũng đóng cửa cả.

Nhưng mà tôi nghe rằng tại tòa Lặnh-Sự có hai người Annam làm Thương-Tá và một người nữa làm Thơ-Toán tại hãng tàu Pha-Ran-Say của ông Lapicque.

Lúc mười giờ, tôi đến nhà ông Thơ-Toán. Gặp ông nói chuyện vui vẻ. Ông ở tại Hong-kong bốn năm rồi. Lương cao, ăn ở sang trọng, có con, vợ là người Saigon, ông người Bắc-kỳ. Trong nhà có nuôi hai ba người đờn bà Tàu giúp việc nhà, cơm ăn, mỗi người năm bảy đồng bạc công một tháng. Ông tên Tiền; chiều bảy giờ ông đến nhà ngủ thăm tôi.

Quà bữa sau, sáng tôi đi ra phố rồi trở về tôi đổi buồng lập tức trên từng lầu nhứt. Buồng ấy có một cái giường mà thôi, nhờ người Khách ở bên Phi-lippines (Philippines) về ở rồi đi. Giá cả ăn ngủ một ngày hai đồng cũng phải, không mắt.

Cha chả! ồn ào quá, vì kẻ tới người lui đông lắm. Luôn ngày đêm như vậy. Buồng nầy có sạch một chút, chớ rộn ràng cũng vậy mà thôi. Thuở nay, tôi di chơi đâu mà nằm nhà ngủ của Các-Chú thì cũng không thanh vắng đặng; ở tại Hong-kong tám chục cái nhà ngủ của hiệu Khách. Họ không trọng sự nghỉ-ngơi của người ta.

Khi thì kêu người trên lầu xuống vát đồ của người ta đến lên lầu, khi thì kêu đem đồ ăn lên trên lầu cao cho họ ăn; khi thì kêu người đến buồng đờn, ca, hát, hồi hai, ba giờ khuya, không cho mấy người gần ở một bên ngủ đặng. Thiệt chịu không nỗi. Người nào buồn ngủ mê mang mới ngủ đặng. Thôi cứ phải chịu vậy.

Thành phố Hong-kong thiệt tốt, là nơi của mấy người Các-Chú thuộc mấy tỉnh hướng-nam ăn nhờ lắm (Eden) Chưa đặng một trăm năm, mà người An-gơ-lai (Anglais)

lập được như vậy thiệt xứng tài lực hết sức. Người Annam chưa đi đến đó, thì tưởng trong trí là chỗ Thiên-đàng (Paradis). Nhà theo kiểu tây cả, cao đến 6 từng. Nhiều cái có thang máy đưa lên (ascenseurs): Nhà cất dưới chưng cù-lao núi và theo một triền núi trở mặt hướng Bắc. Bề cao núi là năm trăm thước, vui vẻ, và ngó ngang mặt bên kia biển thì đất liền. Cảnh ban ngày giống như mấy phố (villes) ở triền núi bên nước Tây.

Dinh quan Toàn-quyền và trại lính-tập không đẹp bằng mấy cái nhà như vậy bên nước Annam. Các nhà hàng buôn của người Tây thiệt tốt và lớn lắm. Có đôi ba cái nhà buôn của Công-ti Các-Chú (Firmes) cho đứng bực em của mấy hàng buôn to bên Paris là Bon Marché, le Louvre, le Printemps, la Samaritaine, La Fayette, la Belle Jardinière. Nhưng mà bán lẻ cũng mắt như bên Annam. Là vì tại đó mua xứ khác đem đến bán lại, chớ tại phố làm hàng hóa ít. Còn bán sỉ thiệt rẻ vô cùng.

Nhà ngủ và nhà cơm Tây chừng mười hai cái, mà có một cái của người Pha-Ran-Say mà thôi. Hết cả thì đều dọng dẹp khéo.

Ba cái chợ gạch, ngói, nhỏ, vách tường bốn bên xấu, thắp đèn điện cả ngày cả đêm. Chợ nào cũng có một hai từng lầu. Người buôn bán cứ ở đó hoài, không khác chi như phố vậy. Gà, vịt, bò-câu, các thứ thịt và các thứ rượu mắt lắm. Hộp quẹt, trái cây và cải, rẻ, vì thổ sản tại Hong-kong.

Đường đi đều tô như xi-măng cả, mà không có trồng cây và không bờ lề đi. Có hai cái đường lớn rộng chừng ba, bốn chục thước. Một cái dưới mé biển, một cái phía sau phố phường đẹp lắm. Các đường khác thì nhỏ hơn.

Một ngàn cái autos, một vạn cái xe kéo, chạy mấy cái đường bằng và dốc dịu; ba ngàn cái kiệu

để đi lên mấy chỗ dốc nhiều. Hai ba cái đường xe điện chạy (tramways électriques) mỗi ngày thâu chừng ba ngàn đồng bạc. Ngồi hạng nhứt mười xu, thì mình đi từ đầu phố tới cuối phố chừng ba chục phút, coi chơi vui quá; Không có xe ngựa. Bề dài phố chừng bốn ki-lô-mết. Phố không có bề ngang, vì núi xuống gần đến bực nước. Chỗ nào bề ngang rộng hết sức thì chừng ba trăm thước. Thiên hạ đi đường dọc theo mé nước đông lắm.

Phía bên kia vũng tàu thì thuộc về đất liền. Có phố phường cũng đông. Có đường xe lửa chạy vô tỉnh Quảng-đông, hoặc đi xa-lúp cũng đặng. Dân tại Hong-kong sáu trăm ngàn Các-Chú, hai trăm An-gơ-lai (Anglais) ba trăm Nhựt-bổn, hai chục Pha-ran-say, ba chục An-nam và ba trăm người nước khác. Trong số người Annam, dân Bắc-kỳ nhiều hơn và buôn bán đồ thêu, đồ cẩn. Có mười lăm cái hãng bạc cho vay của người ngoại-quốc (Banques Etrangères) và ba trăm cái hãng bạc cho vay của Các-Chú. Nếu không có mấy hãng cho vay đó, thì các hiệu buôn bán lớn có khi phải khó lòng.

Người Các-Chú khinh người ngoại-quốc lắm, vì họ kêu Tây quỉ-trắng, quỉ-An-nam, quỉ-Đen, quỉ-Nhựt-Bổn.

Người mình cũng vô phép với nước khác vậy; kêu người ta bằng thằng kia, thằng nọ, Suy lại cho kỹ, thì té ra xứ nào cũng đều có người ngạo cả.

Lúc chiều trời mát, có mấy người Các-Chú đứng dọc đường giảng cho thiên hạ nghe công việc giặc giã bên Tàu mỗi ngày ra thế nào. Khuyên dân phải giữ một lòng theo Chánh-Chung cho đặng chắc đời đời và đừng sợ nước khác. Lính Bô-lít của nhà nước An-gơ-lai không có thể ngăn cấm đuổi họ chạy được. Là vì đuổi chỗ nầy họ nhóm họp chỗ khác.

Tại Hong-kong có mấy thằng ăn cắp, móc túi nhiều vô cùng. Mà nhà nước không có biên trên bản rao cho kẻ lạ mới đến biết rằng có quân đó nhiều, phải giữ minh. Bên Tây thường nơi nào có quân đó nhiều, thì có bản treo rao cho dân hay cả: « Attention aux voleurs », hoặc: « Méfiez-vous des voleurs ».

Nơi vũng, tàu các nước đều có cả. Ước chừng sáu chục chiếc tàu lớn, hai trăm xa-lúp, một ngàn ghe chèo, buồm và máy mô-tơ (moteur). Bề dài cái vũng chừng sáu ki-lo-mết, bề ngang ba ki-lo-mết. Sánh ra thì mỗi ngày tàu đậu Hải-phòng, Tourane và Sàigòn nhập lại khi chưa bằng số tàu đậu mỗi ngày tại Hong-kong. Coi thiệt đẹp con mắt. Phía bên kia vũng thì đất nhượng địa của An-Gơ-Lai chạy thâm sâu vô trong tỉnh Quảng-Đông hết bốn mươi ki-lo-mết. Chớ bên phía phố lớn Hong-kong là một hòn núi đá Cù-lao, xung quanh biển.

Ban đêm nơi phố thắp đèn điện sáng loà chói con mắt quá, như một khúm lửa. Tốt hơn chỗ phố Mê-sin-Nơ (Messine) tại cù-lao Si-cile (Sicile) bên nước I-ta-lie, là nơi sánh với cõi tiên. Mỗi đêm Hong-kong thắp đèn điện nhiều cho đến đỗi đèn mỗi đêm thắp tại Hà-nội, Hải-phòng, Huế, Tourane, Sài-gòn, Chợ-lớn, Nam-vang (Pnom-Penh) và Viên-Tiane nhập lại không bằng. Dân mấy phố nầy hợp lại thì mới bằng hai phần ba dân Hong-Kong. Có nhiều cái nhà ngó thấy như lửa cháy! Thứ nhứt là mấy cái nhà càu-lâu và nhà gái của Các-Chú đèn chói ở xa ngó như đám lửa to. Còn nhiều nhà khác nữa cũng không thua. Tại làm sao mà phí đèn dữ vậy? Là vì chỗ nầy người Các-Chú đi xứ khác làm ăn hay là trở về xứ được giàu có, thì phải ghé tại đây. Ăn chơi cho phỉ tình rồi mới về làng mình, thì trong làng không có chỗ vui bằng. Ấy là ngày thường chớ nhằm khi lễ trong cả nước mừng việc chi, thì đèn thắp biết bao nhiêu thêm nữa.

Tôi đi qua xứ Pha-Ran-Sơ (France) hai chuyến mà tôi không nhớ ở bên có phố nào thắp đèn nhiều như Hong-Kong chăng!

Bên Hong-Kong các nhà giấy làm việc từ mười giờ mai đến một giờ chiều. Rồi từ hai giờ đến năm giờ.

Tôi đến toà Lãnh-Sự Pha-Ran-Say xin ký giấy xuất cãng (Passeport). Quan Lãnh-Sự tiếp tữ-tế. Ký tên rồi, không đóng tiền chi cả ; tôi đi qua chào và nói chuyện một chặp với hai ông Tham-Tá An-nam. Một ông tên là Dung tục gọi là Vi, người Bắc-kỳ, mập béo, làm việc mười năm tại đó, lương ba trăm đồng một tháng. Một ông tên là Đức, người Sàigòn, không ốm không mập Làm việc đặng hai năm, lương hai trăm đồng, một tháng. Hai ông còn trẻ cả và đều có vợ người Tàu. Bằng lòng ở đó giúp việc nhà nước cho đặng tữ-tế và lâu dài.

Gần đó, có toà Lãnh-Sự Nhựt-Bổn. Tôi đến xin Quan Lãnh-Sự ký giấy xuất cãng đặng cho phép tôi qua xứ ổng. Ký tên rồi, tôi phải đóng hai đồng bạc.

Các toà Lãnh-Sự đều thuê từng lầu thứ ba, thứ tư, mà làm việc ; chớ từng dưới người ta thuê buôn bán mắt lắm. Lên có máy kéo đến lầu. Đi chưng lên thang thường thì mệt.

Mấy cái nhà trên núi thiệt ngộ. Có một cái xe điện (funiculaire) kéo bộ hành lên.

Tôi đi ngoài đường gặp người Các-Chú nói tiếng Annam với tôi, và có người đờn bà Annam bận đồ tàu. Họ nhìn tôi đặng, vì tôi ăn mặc theo Annam.

Có một người Quảng-Đông, ghiền nha-phiến, cực khổ lắm. Xin tiền tôi đặng đỡ đói khát. Anh ta nói tiếng Annam thiệt rành. Xưa kia ở tĩnh Bến-Tre (Gia-Định) là xứ tôi, bị đuổi về Tàu, vì không giấy thuế thân. Ảnh khai tên tĩnh đó là tự nhiên ảnh nói mà thôi. Tôi cho sáu giác, rồi anh ta cám on đi.

Lúc buổi chiều, tôi đương ngồi hàng ba phố ngủ. Có anh Annam Bắc-kỳ, vóc vạt mạnh mẽ, ở trần, quần lên đầu gối. Làm Cu-li. Khai tên là Chương ; cách một

tháng nay, giúp nấu cơm dưới một chiếc tàu bị đuổi. Tuổi chừng hai mươi. Tôi biểu rằng muốn về xứ thì xin quan Lãnh-Sự Pha-Ran-Say cho về. Tôi cho ảnh một đồng bạc. Ảnh lạy tôi, rồi đi.

Tôi mua giấy tàu hạng nhì, sáu mươi hai đồng bạc, theo chiếc tàu Tjiliwong 芝利汪 thẳng qua Yokohama thuộc về xứ Nhựt-Bồn. Ra cửa phía Bắc. Có nhiều hòn lao núi trọc như cửa phía Nam bữa tôi đến. Chạy một chút thấy hai bên bờ Hong-kong có chỗ đóng tàu nhiều.

Tàu nầy của người Hô-lan-đai (Hollandais). Mười một người nước đó, mười người Javanais và năm mươi người Các-Chú Quảng-Đông làm việc dưới tàu. Tôi ăn cơm Các-Chú tử-tế xứng giá tiền. Phòng ngủ theo Tây cả, sạch sẽ. Có một mình tôi là bộ hành mà thôi. Các hạng khác không ai hết.

Trong ba ngày đầu còn thấy ít chiếc tàu. Mấy ngày sau chẳng thấy chi cả. Xin rõ việc nầy : Trong cả bầu trời, mỗi ngày có mấy ngàn chiếc tàu chạy. Nhưng mà biển rộng lắm, làm sao mà mình gặp đặng.

Còn cá thì thấy cá chuồn bay là nhiều. Thứ cá lớn, không thấy nổi lên mặt nước như đường đi bên Tây vậy.

Bốn ngày vừa thấy vài cái hòn-lao núi nhỏ Nhựt-Bồn thuộc tỉnh Nagazaki và thấy một chiếc ghe câu người xứ ấy.

Sáu ngày, thì vào cửa Yokohama 濱橫. Phải như trời không mưa, không mù, thì đến khi mười một giờ mai. Không dám chạy, phải bỏ neo ngoài biển, như mấy chiếc tàu kia vậy, vì sợ đụng vào núi, bờ và tàu khác. Cứ thổi còi và đánh chuông mãi, đặng cho họ tránh. Hai bên bờ núi-non, cây, cỏ xanh đẹp. Có nhà ở theo triền núi. Giữa biển có ba cái cù-lao sửa lại bằng thẳng, đề trí súng giữ cửa. Coi thiệt lạ.

Có mặt trời sáng lại, thì tàu kéo neo chạy bốn giờ chiều đến vũng. Hết chạy nữa, vì tới nơi rồi. Cái vũng tàu hình giống như nửa mặt trăng. Một phía ra biển, một phía dựa phố phường. Bề dài chừng bảy ki-lô-mết. Chừng sáu, bảy chục chiếc tàu lớn đậu phía trong và phía ngoài vách tường dưới nước (jetées). Trên bờ có nhà, kho cao nên khuất tàu. Như một trăm chiếc tàu, thì chín chục chiếc của Nhựt-Bồn ; còn mười chiếc của các nước khác. Việc nầy không lạ chi ; trong vũng của một nước nào đứng bực lớn (Puissance), thì chỉ tàu nước ấy phần nhiều, chớ tàu nước khác đậu đó phần ít.

Cửa nầy tàu tới rồi chạy qua xứ A-mê-ri-que, xứ Tàu và xứ Tây.

Nước Nhựt-Bồn bắt chước theo các nước Văn-minh nên lo sự mạnh-khỏe và thuế Thương-chánh làm đầu. Tàu tới rồi, thì có quan thầy-thuốc lên tàu xét coi có bịnh chi chăng. Đồ đem lên bờ, thì có quan Thương-chánh kiểm-soát theo phép-lệ. Cho nên ai qua xứ người ta mà gặp họ kiểm-soát gắt-gao, rồi về xứ mình hết phiền sở Thương-chánh xứ mình.

Ở ngoài vũng tàu ngó vô phố Yokohama coi tựa như một phố bên xứ Tây. Lên bờ thì coi khác liền. Thấy người ta, xe, miếng giẻ mang chữ Hán của người làm cu-li và nhà cửa thì nhìn biết rằng chỗ cuối cùng Phương-Đông (Extrême-Orient. Một dãy nhà gạch, ngói có lầu bốn từng, chạy dài theo mé biển. Nhà đó là hàng cơm, ngủ, và của các sở công-ti tàu và buôn bán. Ra phía sau, dãy ngang, dãy dọc, thì các hãng bạc cho vay, buôn bán, sở giây thép, Phủ quan Tổng-đốc Nhựt-Bồn, đều có nhiều từng lầu. Cái thì theo kiểu Nhựt-Bồn, cái thì theo kiểu Tây, cái thì lại kiểu nầy kiểu kia, ít chạm trổ. Coi như xóm Tây ở, chớ thiệt là xóm buôn bán theo Tây. Mấy cái nhà lớn thiệt đẹp lắm, bất kỳ của nước nào. Mấy sở lớn của người xứ nầy, từ ông chủ xuống đến người làm công toàn người trong xứ cả. Một hai sở có thuê người ngoại-

quấc, mà phần ít. Đều phải ăn mặc cách Tây cả. Nói tiếng Nhựt-Bồn, tiếng An-gơ-lai là thường lắm - Một đôi khi có dùng tiếng Pha-Ran-Say.

Tôi ở nhà ngủ của Nhựt-Bồn tên là Grand-Hôtel và cũng có ở nhà hàng cơm của Pha-Ran-Say l'Oriental-Palace. Hai nơi đều có nhạc đánh. Người đánh nhạc hoặc người Nhựt-Bồn, hoặc nước khác. Phòng ngủ và cơm ăn mỗi ngày là mười hai, mười lăm đồng bạc. Một đồng bạc Nhựt-Bồn thì chín giác bạc Annam. Ai đến ăn cơm không ở buồng thì buổi cơm mai ba đồng bạc, cơm tối bốn đồng. Không rượu, ai muốn uống phải trả bạc thêm. Hơn hai chục món ăn. Có dọn bắp trái luộc và đậu phụng luộc hay là rang nữa. Người A-mé-ri-cains và An-gơ-lai ưa lắm. Còn bên Annam chẳng biết người Pha-Ran-Say có ăn hai thứ đó chăng.?

Nhà hàng cơm đều có xe autos và xe kéo để cho người ở nhà hàng đi cho rẻ. Chớ xe ngoài đường nó ăn gian.

Hãng bạc cho vay của Nhựt-Bồn tên là Yokohama Spécie-Bank tốt quá. Dọn-dẹp khéo, người làm việc có phép ; Bên Annam mình không bằng. Vì nhà cho vay xấu hơn, và người làm việc lộn xộn. Đi vô lần lần trong phố thì thấy ròng cách Nhựt-Bồn mà thôi. Nhà cửa, phố xá, thấp, chật hẹp, một từng lầu, vách gỗ, lợp ngói xám, khít rịt với nhau, dãy nầy qua dãy kia, ngó không thấy đuôi. Tùy theo món hàng buôn bán, phố có cửa gương, hoặc không có. Vén khéo và sạch sẽ lắm. Phố bán đồ bậy bạ, nghèo cũng vậy. Không thấy phố cũ hư tệ. Cái nào cũng chắc chắn lâu dài. Cũng có một hai cái phố nhà gạch, nhỏ, kiểu Tây chen vào phố ròng Nhựt-Bồn. Hàng cơm, hàng ngủ nhỏ của Nhựt-Bồn thì rẻ. Nước đá, nước chanh, rượu Bia (Bière) và các thứ uống mát thì người ta uống biết bao nhiêu. Trời giữa mùa tháng bảy Tây mà nực quá. Dầu có mưa cũng nóng. Ống thủy có hai mươi lăm chữ trên xê-rô (Zéro). Ca-phê (Café) thiệt dở, chắc giả. Rượu ngoại quấc đem đến bán thiệt mắc.

Tại Huế, một điếu Cigare mười xu, thì ở bển hai giác rưởi, ba giác. Vải, lụa, tơ, nón, giày, quần áo thiệt cao giá. Có nhiều món mắt hơn bên Annam. Nhiều thứ bông lạ bên Annam không có. Trái cây là lê, lựu, dưa hấu đỏ, vàng, cải vân vân. Có thơm và thứ củ cải trắng dài đến bốn năm tấc tây. Gạo và dây mây nguyên của Annam đem qua bán mạnh lắm.

Chủ phố, người đứng bán đờn ông, đờn bà mặc áo theo trong nước thì ngồi bẹp xuống váng rầm, không có ghế. Có bàn viết nhỏ, cao đến bụng để trên rầm. Phải cỗi giày mới lên rầm.

Các thứ đường đi rộng chừng mười thước đến sáu chục thước. Còn đường trong bóc lại nhỏ nữa. Đỗ đá, tô xi-măng (ciment), và lót gỗ, nhưng chiệu không nổi với xe chở nặng quá, nên lở, lỗ hang biết bao nhiêu. Sở Lục-lộ sửa không kịp, đổ đá sạn mà không nện. Cứ để mặc xe chạy lần lần cán nát mà thôi. Vậy khổ cho xe phải kéo mấy chỗ đó nặng lạ-lùng. Không có xe ngựa kéo đưa người ta; ngựa thì lớn kéo xe chở hạng hóa mà thôi. Xe kéo còn kiểu xưa xấu xa. Bánh cao-xu, mà cao. Cu-li kéo xe mặc áo quần, mang bao tay, mang giày. Không khi nào ở trần, vén quần. Xe đạp nhiều hơn xe kéo.

Có một cái đường lớn dài lắm. Mà trong một đoạn chừng tám trăm thước có cột đèn sắc nhiều. Cách chừng năm thước có một cây cột cao hai thước rưởi. Trên cột có hai ngọn đèn điện, lại mỗi ngọn có một cái bóng lớn bằng chai lu lu. Ngó thiệt xinh con mắt.

Toàn trong thành phố đều có dây thép để đánh dây thép, dây thép nói và đèn điện giăng cùng đường. Còn cột thì bằng gỗ thông, to, cao, quẹo-quọ, hình xấu xa lắm. Chật các con đường, nên trồng cây không đặng và làm cho xấu xa phố phường. Mới ngó tưởng là mấy cái giàn để làm nhà.

Số dân Nhựt-Bổn ở tại Yokohama đến sáu trăm năm chục ngàn người. Họ đông như vậy nên có làm xe

điện chạy trong các phố phường và ngoài phố gần gần đó (Tramways électriques) cho rẻ tiền. Các dân nước khác cũng đều dùng xe đó. Người An-gơ-Lai đặng một ngàn ; người Pha-Ran-Say hai trăm ; một người An-nam làm Thơ-Ký tại Hãng-Tàu Pha-Ran-Say (Messageries Maritimes) và ba người An-Nam ở bồi với quan Lãnh-Sự Pha-Ran-Say, cả bốn người đó thuộc về xứ Bắc-Kỳ (Tonkin).

Có nhiều cái kinh nhỏ, bề ngang chừng ba chục thước, đến sáu chục thước, để cho ghe và xa-lúp chở hóa hạng vô trong phố. Đông lắm, nên nước không đặng trong. Có nhiều cầu ngang qua kinh. Có thứ làm bằng gỗ, xi-măng, sắt, có cái ngộ, có cái xấu. Cái cầu tốt hạng nhứt ở đầu đường lớn lên nhà Ga-chánh (gare centrale).

Tòa quan Lãnh-Sự Pha-Ran-Say, có lầu và đẹp. Ở nơi một cái góc hòn núi nhỏ, ngó ra vũng tàu và một cái kinh. Trên núi có cây xanh tốt, các tòa quan Lãnh-Sự các nước khác và nhà Tây, nhà Nhựt-Bổn tốt. Mấy cái nhà thờ đạo ngoại quấc nhỏ, vì người có đạo ít. Có nhiều đường đi dốc xuôi, dốc ngặt đều xe chạy cả. Mỗi một cái nhà đều có vườn tươi tốt.

Người nhà quê làm nhà có một cái rầm hạ và một cái rầm thượng để chứa đồ hay là ở. Cột, kèo, rui, mè vân, vân, bằng cây tùng cả. Lợp hoặc ngói, váng, tranh. Cửa lớn. nhỏ đều là đầy cả. Không có gương, lấy giấy trắng mù mù vuông-vức chừng hai tất dán nơi cửa.

Nhựt-Bổn dùng đồ ăn như các thứ người nước da vàng. Mấy cái chùa thấp, dài, rộng. Hình tượng ít, đồ thờ, đồ chưng, bàn, ghế, sơn thếp cũng ít lắm. Cột. xiên, trính bằng cây tùng, hoặc tròn, hoặc vuông, và không chạm trổ sơn phết chi cả. Lợp ngói xám. Rầm hạ thì để váng trống, hay là lót chiếu. Phải cổi giày mới đặng phép lên rầm. Mấy người thầy tu ngồi bẹp trước cái bàn viết. Trên bàn viết ấy có giấy, mực, cây viết chữ Hán, bình nước chè, chén, ấm nấu nước,

lò nấu nước (réchaud) bằng than, khăng lau mặt, chuông.

Dân muốn ăn mặc cách chi tùy thích. Người làm việc Nhà-nước đều phải ăn mặc theo Tây. Không thây người ở trần, vén quần để đùi trồng. Bất kỳ chỗ nào, giàu, nghèo thây ăn mặc kính cả.

Làm hộp quẹt máy và tim để bán cho ngoại quấc, chớ không dùng trong nước; vì hộp quẹt gỗ tốt lắm mà bán rẻ, một xu hai hộp lớn bằng hộp quẹt An-Nam.

Trường hát theo xưa lấy làm lạ. Chưa hề thây qua bên An-Nam. Trường hát đó ở tại con đường lớn. Trước cửa có để chữ Hán và chữ Tây nét lớn bằng trái vê, in như mây nhà hát tại các nước trong Bầu-Trời. Giấy có vẽ hình to dị-kỳ để rao chơi dán cùng phía trước nhà hát. Cái trường bằng gỗ, chừng sáu trăm người coi thời vừa. Dưới đất, bàn dài đặt dầy ngang; có cái lót nệm thì giá ngồi mắt. Có một từng lầu mà thôi; chính giữa lầu lót váng xiên từ bực, cao lên lần lần; mỗi bộ váng có lót chiếu. Hai bên từng lầu lót chiếu dưới râm để ngồi; phía sau chiếu, có một hàng ghế dựa giá ngồi mỗi cái tám giác bạc; hạng chót hai giác. Sân hát có cái diêm che Bề ngang mười thước, bề sâu vô tám thước, bề cao bốn thước. Cửa buồng hát thì hai bên ngó ngang nhau, chớ không phải dưới buồn ngó ra.

Thắp đèn điện; mà đèn tròn dài bằng giấy dầu vẽ hình bao xung quanh đèn điện.

Chính giữa sân hát có một cái sân xây tròn, mặt cũng ngang cái sân lớn. Bề tròn chừng mười lăm thước. Có chưng vật chi trên sân tròn, thì cứ xây phía nào thì mặt đó chưng thây khác nhau. Có khi bỏ diêm xuống rồi xây, có khi diêm kéo lên rồi mới xây.

Người hát đờn ông và đờn bà hát giọng vừa, không lớn, không nhỏ. Bộ tịch, múa cũng có chừng, khi vui, buồn, dận và đánh nhau cũng vậy. Vẽ mặt, áo mão giống Các-Chứ.



Nhạc ở trên lầu nhỏ phía tay mặt, có sáo che, đờn, trống, chụp-xả, đồng-la. Mấy người đờn bà, con gái ngồi trên lầu đó từ chập hát giọng dịu-dàng.

Đáng khen cái sân xây tròn, những đồ chưng, và người coi có phép tắc, nín lặng-lẽ. Chớ giọng hát và nhạc nghe không hay. Coi rồi ra về không vui vẽ chút nào, cũng như người Tây đi coi hát Annam ra về, trong lòng chê vô duyên !

Nơi nhà Ga chánh xe-lửa Yokohama người tới lui có ngàn. Họ đi guốc kêu lóc-cóc vang trời nghe vui quá ; đờn ông, đờn bà ăn mặc theo cách của họ thì mang guốc đi trên nền xi-măng nên kêu dữ vậy. Nhà Ga kiểu Tây đẹp

Có xe-lửa chạy đi miền xa lắm. Còn xe chạy điện thì cứ mười phút đồng-hồ có một chiếc chạy lên Kinh-Đô. Một giờ thì tới, vì có ba chục ki-lô-mêt mà thôi, và chừng mười hai cái nhà Ga. Dọc đường gặp xe chạy xuống chừng mười chiếc. Mỗi chiếc xe chạy lên kết ba cái xe ngồi, chừng hai trăm người đi.

Từ Yokohama lên tới Kinh-Đô đất đồng bằng, vui-vẻ. Thấy đầy những sở máy lớn làm việc nầy, việc kia, những nhà nhỏ ở, trồng-tria nhiều thứ, những trụ dây thép, dây thép nói, dây điện thắp đèn chạy vô các làng, các xóm chẳng biết bao nhiêu mà kể. Xe chạy nhiều chỗ gần dọc biển, vì Kinh-Đô ở gần mé biển.

Tên Kinh-đô là Tokio 京 東, nghĩa là Kinh về hướng Đông. Chỗ ấy Hoàng-Đế Nhựt-Bổn ở. Trong xe lửa bước xuống, rồi đi ra ngoài khỏi Ga, thì mới ngó thấy tưởng Kinh-Đô Tokio là tốt biết chừng nào. Thấy cái nhà Ga to và đẹp lắm, các cái nhà ở xung quanh đó cao lên tới mây, một con đường rộng (boulevard) trước mặt mấy dãy nhà đó, thì giống như một Kinh-Đô bên nước phương Tây (Europe). Nhà tốt đó ở về trong xóm đời nay (modernes) thì cũng chưa đặng bao nhiêu cái. Mà mỗi cái cất lên tốn hết mấy triệu đồng bạc. Bây giờ, dọc theo mấy con đường bu-lơ-va

(boulevards) đương cất nhà đèn tám từng, mười từng. Những con đường lớn rộng một trăm, một trăm rưỡi thước.

Còn những nhà nhỏ, phố nhỏ, thấp, cả trăm ngàn cái như ổ ong. Dân trong Tokio có ba triệu người. Người Tây ăn ở lộn lạo với họ. Người Pha-Ran-Say có hai mươi mà thôi.

Dinh quan Chánh-Sứ Pha-Ran-Say ở phía Đông gần đến Hoàng-Đế. Gần sập, vì cũ tệ lắm, có cây cột to chống bốn mặt nên còn đứng lại đó. Nay mai sẽ sửa lại.

Xứ Nhựt-Bổn là đứng bực theo các nước lớn, mạnh trong Bầu Trời, thì người đi chơi (Touriste) trong trí nói rằng chắc chổ Tokio như cảnh tiên. Khi đến nơi rồi thì mới rõ là không đặng tốt xứng theo ý mình độ lúc chưa thấy. Tuy vậy, chớ con mắt ngó không biết đâu cho hết mấy dãy phố dài lắm. Phố cái cao, cái thấp, chật hẹp trong Kinh-Đô xứ « Con-Cò » (xứ Nhựt-Bổn : Empire de la Cigogne). Mấy con đường dọc, ngang trong các phố, có đổ đá cả, bất kỳ đường lớn, nhỏ. Nhưng mà có lỗ, hang nhiều lắm. Xe điện, xe autos và các thứ xe khác đi trong mấy con đường ấy. Mấy đường chẹt hai xe kéo khó tránh.

Có một con đường rộng mà buôn bán lớn nhứt hạng tên là Ginza 銀坐. Dài ba ki-lo-mét. Nhưng khúc giữa chừng một ki-lô-mét đông vui, cả ngày, đêm.

Tại Tokio có một nhà bán đồ tạp hóa lớn quá chừng. Tên phố ấy là Mitsukoshi 三越. Dài một trăm năm chục thước, rộng một trăm thước, cao ba chục thước. Bảy, tám từng lầu, từng nào đều có đờn ông, đờn bà đứng bán, ăn mặc theo Tây, có phép lắm. Có thang ở một chỗ, có thang chạy, có máy kéo lên lầu (escaliers fixes, escaliers roulants et ascenseurs). Mấy người vô phố, thì mình phải rửa giày, guốc ngoài cửa trước đã. Mỗi cái cửa đều có cái thùng nước, một bàn chải có cán dài bằng gỗ để rửa giày. Guốc thì giao cho người giữ cửa. Người mang giày Tây, thì người giữ cửa đưa một đôi giày rộng (chaussons)

mà mang thêm vô nữa, khỏi cổi giày Tây. Xong rồi mới đặng bước vào phố. Vô một cửa, ra phải đi cửa khác ; ấy là cách riêng bên Nhựt-Bổn, chớ nước khác không có.

Trên lầu chót vót đứng ngó thấy khắp trong phố-phường. Trên đó, lại có lồng nuôi cò, công, trích, tri, các thứ chim nhỏ, lồng nuôi cá ngũ sắc, nhà gương trồng kiểng và bông hoa.

Từng dưới liền, có hàng cơm Nhựt-Bổn và ngoại-quắc đều là người Nhựt-Bổn bán cả. Ăn cơm Nhựt-Bổn chừng tám giác, có một dĩa thịt, một dĩa cá, một bát canh, ăn canh không muổng, húp như uống nước. Tại đây hay là ở nhà khác, đũa thì bằng cây thông, vót hai chiếc dính lại một đầu ; phải tách rẽ hai ra rồi mới gắp được. Đũa ăn rồi, thì họ quăng, chớ không để dọn lại nữa.

Tôi ở một cái nhà ngủ có ăn cơm và nhạc tên là « Impérial Hôtel Concert ». Cả buồng và ăn cơm, giá mỗi ngày từ mười đồng lên đến hai chục đồng bạc. Nhà lớn quá. Làm rồi gần một năm nay. Ông Họa-Đồ có danh tiếng người A-mé-ri-cain tên là Frank-Lloyd-Wingth vẽ kiểu nhà đó cho người ta làm. Cái kiểu nhà ấy lạ lắm, thuở nay tôi thấy là một. Nhà của Hội Nhựt-Bổn làm hết mười triệu đồng bạc. Nước da gạch và đá để tự nhiên ; không sơn nước chi cả, trong ngoài như nhau.

Đèn điện giấu ở giữa cột nhà hay là trong vách chói ra nơi mấy lỗ làm theo chữ Nhựt-Bổn, chữ Tây hay là bông-hoa. Đường đi trong nhà quanh quẹo dễ lạc lắm, giống in như cái Musée Grévin tại Paris.

Có mấy cái buồng giá rẻ, thì vách, trần và dưới nền đều làm bằng giấy dày hết sức (Cartons).

Có nhiều cái nhà ngủ và nhà cơm kiểu khác, tốt và lớn tại Kinh-Đô để đôi với cái nhà hàng ngủ Impérial-Hôtel nầy.

Có chừng vài cái trường hát đời nay. Trường « Impérial Théâtre » đứng theo với mấy cái nhà tốt tại Tokio. Rộng chừng một ngàn người ngồi coi. Bắt chước in như trường hát bên Tây không khác chút nào. Người hát toàn người Nhựt-Bổn. Hát tuồng trong nước thì ăn mặc theo Nhựt-Bổn. Hát tuồng Tây thì ăn mặc theo Tây. Tiếng hát thì toàn Nhựt-Bổn. Đờn ông, đờn bà hát. Còn toàn đờn bà bán giấy, dẫn chỉ ghế dưới lầu, trên lầu, chỗ hút thuốc, chỗ ăn uống rượu, chỗ bán thuốc hút, chỗ bán sách, nhựt trình.

Tôi coi hát cách Tây, tuồng người-mù, bị vợ gạt. Ăn mặc theo Tây cả. Đồ chưng cũng theo Tây. Sự tích tuồng nầy hay cho đến nỗi người coi động lòng chảy nước mắt, và xin trời phạt con quỉ nó khiến người vợ trở lòng như vậy.

Đền vua ở chính giữa phố phường. Có hai khuông thành. Một cái thành ngoại vuông-vức chừng mười lăm ki-lo-mết; cái thành nội vuông-vức chừng tám ki-lo-mết. Thành nào cũng làm bằng đá miếng to, không trét vôi vào kẹt đá và cũng không có tô vôi mặt đá sạch-sẽ lắm, không có cỏ; mỗi cái thành đều có hồ nước bao xung quanh. Nước xanh, không có cây cối chi cả. Hồ bề ngang chừng bốn mươi thước.

Có một con đường lớn, chừng một trăm thước bề ngang, đi quanh vòng thành ngoại. Đường đó đẹp lắm và có xe điện chạy. Vô trong thành ngoại, phía nam đền vua, có một vạt đất chừng bốn chục mẫu Tây làm một cái vườn coi xinh. Các con đường đi đồ đá sạn nhỏ, bồn cỏ màu lục, cây thông, cây tùng, cây trắc-bá-diệp, ngó thiệt vui con mắt.

Trong vòng thành thứ hai cao, mà có mấy cái nhà trong đền Vua cao hơn thì lòi nóc, đứng ngoài ngó thấy. Cấm không vô đền đặng. Mấy người coi chơi thì đứng ngoài đầu cầu mà thôi; mấy cái cầu bằng đá vô đền đều có lính canh gát. Ngó vô thấy cữa thành mà thôi. Cữa thì lớn, bằng gỗ, không chạm trỗ, ba cái cữa

vào, có lầu một từng hay là nhiều từng, cây gỗ không sơn, cũ lắm. Tới đầu cầu rồi trở lui, trong lòng buồn, vì không vô đền coi đặng. Một năm các quan Chánh-sứ Chư-Hầu vào chầu một lần mà thôi. Vậy người dân chẳng biết sao mà nói trong đền có chi đặng.

Chỗ Kinh-đô nầy Hoàng-Đế mới về ngự chừng sáu chục năm nay, nên mới đặc tên là Tokio 京 東. Khi trước thì tên là Yédo, là vì cách chừng tám trăm năm (XIIe siècle) chỗ nầy ông quan Đô-Thống tên là Yédo Taro ở cai-trị. lúc đó còn nhiều Chúa nên lấy tên ông Yédo mà đặt tên thành phố. Sau lại các Chúa chiệu tôn một Hoàng-Đế làm đền ngự tại chỗ kinh-đô bên tỉnh Kioto. Qua năm 1863 Hoàng-Đế mới dời qua ngự luôn tại Tokio đến nay.

Mấy tòa của các quan Chánh-sứ Chư-Hầu và các Bộ của Nhựt-Bổn đều ở hướng Tây và hướng Bắc ngoài đền vua. Cái thì cất theo kiểu Tây, cái thì pha nữa Tây nữa Nhựt-Bổn.

Trong thành phố có nhiều cái vườn của nhà nước lập ra để thiên hạ đến dạo mát. Gần nhà hàng ngủ tôi ở, có một cái vườn tên là Hi-bi-y-a, 園 公 野 比 日, làm như vườn Bách-Thú. Rộng chừng hai chục mẫu, có cây lớn tốt, bông, chuồng chim, chuồng nai, chuồng gấu, hồ cá ngũ sắc, cái-đu, cái dốc bằng xi-măng ngồi hay là nằm trên rồi thả mình lăng chạy xuống, sân đánh vợt, sân đánh trái lăng, có một khẩu súng to cũ nằm trên cái giá máy cũng cũ. Thiên hạ tới lui luôn luôn.

Ở hướng Tây, cách chừng một ngàn thước, có một cái vườn tên là Shi-ba 園 公 芝. Vườn đó lớn quá, và cây cao mát-mẽ vô cùng. Có nhiều chùa ở đó thiệt tốt. Thứ nhứt là cái chùa tên là Zo-jo-ji dựng lên đặng Năm trăm năm rồi. Chạm, sơn màu ánh chói tốt lắm. nhiều cây trụ đá chạm lồng đèn, thú vật, bông-hoa để trước sân chùa lót đá tấm.

Cách một con đường đi, bên tay mặt, có một cái cửa lớn quá, ba từng lầu. Phía trong, có một cái chùa mới cất. Gỗ cả, lợp ngói xám; mỗi miếng ngói nặng đến mười ki-lô. Chùa dài năm chục thước, ngang bốn chục thước, cao mười lăm thước. Chính giữa chùa, có một cái bàn thờ mà thôi, và vài cái bàn ngồi để trước bàn thờ. Còn bao nhiêu cái rầm hạ đều trống. Cả cái chùa cây gỗ trơn tru, không chạm trổ, không sơn thếp chút nào. Để gia gỗ tùng tự nhiên. Cây cối ngoài vườn cao ngó trật ót, như trong rừng, thanh vắng lắm.

Cũng phía Tây, mà ở trong thành phố, cách chừng ba ngàn thước kể từ chỗ nhà tôi ở, lại có chỗ mả chôn bốn mươi bảy người anh-hùng 勇士. Số là xưa kia, mấy người nầy đi đánh giặc trả thù cho Quân-Sư đặng rồi. Nhưng mà, kế liền bị kẻ nghịch bắc đặng hết cả. Họ mới đâm ruột họ chết, chớ không chịu để cho giặc nó giết. Ở gần cửa, người đến thăm mả, ghé lại nơi một cái nhà nhỏ đặng mua ít cây hương rồi đem đốt trong cái lư-hương kế bên nhà đó. Phải đi ngang qua một cái bể cạng nhỏ, là chỗ thuở xưa rửa thây mấy người tự-vận rồi mới chôn. Vô trong đất mả, thì ngó thấy một vạt đất nhỏ lắm, có mấy tấm bia nhỏ bằng đá xanh chôn khít rịt với nhau. Sự tích bốn mươi bảy cái mả nầy các nước Chư-hầu đều rõ cả. Vậy những người đến thăm đều cảm thương lắm. Quan Đô-Thống Maréchal Joffre cũng có đem lòng thương mà đến thăm nữa.

Ở dưới chưng một cái nồng nhỏ, có cái nhà để dành những súng, gươm, ná, mũ, áo, quần, đồ đeo chơi của mấy người tự-ái đó. Ai vô coi phải trả đôi, ba giác bạc.

Kế gần đó, nơi giữa một đám đất, có cái chùa cũ lắm tên là Sengakuji 千岳寺. Đứng ngoài coi, cấm không vô trong đặng, cửa đóng bốn bên.

Ở nơi các con đường trong phố Kinh-Đô Tokio, những cây cột và dây thép, dây thép nói, dây đèn điện

chẳng biết bao nhiêu mà kể cho xiết, giống như tại phố Yokohama. Nếu có chê khen về sự nầy, thì hai nơi bằng nhau. Thủng thẳng rồi sẽ sửa theo cách cho đẹp lần lần. Bây giờ, cái xóm cũ đang sắp đặt lại cho tốt. Chắc trong ít năm sẽ giống như Paris được.

Người Nhựt-Bổn, bất kỳ, ông Quan hay là dân, đều ăn nói giọng nhỏ-nhẻ dịu-dàng, cười chúm-chiếu, một cách dể thương. Hay chìu lòng người ta.

Còn mấy chú lính Bô-Lích ở theo phép bên nước Pha-Ran-Sơ. Ví như, ai đi ngoài đường mà hỏi việc chi, thì lính trả lời cho toàn vẹn rồi mới để cho người ta đi. Tôi hỏi một việc bằng tiếng Pha-Ran-Say. Chú không hiểu đặng. Chú chạy đi kêu một người lại làm Thông-Ngôn. Hai bên hiểu nhau cả rồi mới lui chưng. Nhiều nơi khác họ cũng hết lòng giúp tôi cách ấy.

Một anh Nhựt-Bổn nhà quê trồng bông-cúc (thí dụ mình nói anh cày ruộng), mà đứng cho mình nhấm coi cái diện mạo, đầu trọc, con mắt mở hí-hí, mủi dẹp, áo rộng tay, không có nút, guốc cao mười phân, thì coi ra chẳng phải là người có cái chi tỏ ra là lanh lợi. Mình thì không biết. Chớ người thạo coi tướng (physiologiste) thấy lập tức rằng ảnh có một cái óc tốt vô song địch!

Trong việc làm ăn nghề chi đều có đờn bà cả. Trừ nơi mấy cái hàng-ngủ, hàng-cơm không có.

Không thấy ăn mày. Ấy là một việc bắt chước bên Tây, cấm không cho kẻ cực khổ ra đường. Đáng khen lắm.

Xe auto nào mà sơn đen, chạm, thếp vàng, là thuộc về sở xe đám ma.

Có đôi ba cái kinh chạy quanh-quẹo trong phố, rồi lại chảy ra biển, nơi vũng cạng lắm, nên không có tàu, xa-lúp và núi-non chi.

Từ đây đi qua Kobé 戶神 đi xe lửa ba trăm ki-lô-mết, hết mười ba giờ. Thiệt thấy người Nhựt-Bổn làm nghề nghiệp thì rõ rằng chẳng phải là người ham học mà thôi, hể học rồi, lại còn biến hóa cho hơn ông thầy ! Một đoàn xe dài chừng hai trăm ba chục thước, một xe máy, một xe than, mười xe bộ-hành và hàng-hóa, mỗi cái dài chừng hai chục thước. Trên xe, bất kỳ cái chi cũng theo đời nay, tốt quá. Người nào có đi xe bên Tây rồi, thì mới dám khen xe bên Nhựt-Bổn đặng. Chỗ ngồi, dựa, lót nhung thứ tốt. Đồ ngủ mền, gối, điềm sạch sẽ lắm. Chính giữa đàng đi có để ống nhổ bằng đồng. Bột-Ban-Phiến (Naphtaline) có trộn dầu gió rắc cùng trong xe đặng cho thơm và trừ khí độc ; trong vài giờ đồng hồ rồi quét đi. Có phát giày-hạ cho bộ-hành đi, mà không lấy tiền thêm. Buồng rửa mặt và đại-tiểu-tiện có nơi hai đầu mỗi cái xe. Mỗi cái khăng lau rồi, thì quăng vào giỏ, nghĩa là một người đi rửa mặt lần nào thì đều dùng khăng mới cả.

Còn đi xe bên nước Pha-Ran-Sơ thì không có ống nhổ, Bột-Ban-Phiến, giày-hạ và khăng thay liên-lạc như vậy.

Mấy người làm việc trên xe đều còn nhỏ tuổi và lẹ-làng. Nơi xe ăn cơm dọn-dẹp vén khéo.

Các nhà Ga đầy dẫy hàng-hóa. Người bán nhựt-trình, đồ ăn uống, và cơm đồ ăn sẳng bỏ vào trong hộp gỗ tròn, dài gói giấy cách xinh đẹp, đi tới lui gần xe đông lắm.

Tại thành-phố nhà-cửa coi không đẹp ; mà bây giờ đi xe lửa về nhà quê thấy địa-cảnh, núi-non, cây cỏ thiệt xinh. Trên núi có cây tùng, thông, trắc-bá-diệp, sầu-đâu, tre, sậy, vân vân, xanh lục, vui. Còn dưới đồng, trồng tỉa cây, trái, lúa, đậu, mè, bắp, khoai, củ, và các giống ăn uống như bên An-Nam. Ruộng và đất miếng nhỏ thí-thí, bờ đất không khác An-Nam. Làm bằng tay cả. Không trồng hay là gặt bằng máy như bên Tây. Vì ruộng và đất miếng nhỏ lắm và bờ đắp đất cao. Trồng lúa trong nước không đủ ăn, là tại đất núi

nhiều, nên ruộng ít. Bởi vậy bên An-Nam chở gạo, lúa qua bán bên Nhựt-Bổn vô số.

Lạ quá, sông suối cạn thấy cát và đá sạn. Bất kỳ gần biển, gần núi cũng vậy. Nên khỏi làm cầu lớn lắm.

Dân ở tại dinh, phố, phường, hay là trong nhà quê đều sung sướng. Nhà nào cũng thắp đèn điện. Nhà nghèo lều tranh trong hóc núi cao, trong hóc suối, cũng có dùng đèn điện! Bởi vậy cho nên những trụ giăng dây thép chạy ngang dọc coi in giàn bí, bầu. Tại thành-phố coi xấu, chớ ngoài đồng-nội thì ngó đẹp con mắt. Ngó thôi mỏi con mắt chẳng biết nó chạy đến đâu là cùng, nhăn giú như mấy đàng chỉ tay người ta.

Không biết bên Pha-Ran-Sơ người nghèo làm ruộng có đặng sung-sướng như vậy chăng? Không bằng. Xin ai đừng nghĩ rằng tôi nói xấu cho người Pha-Ran-Sơ. Trong sách nầy, tôi hay sánh, đối cho mau hiểu. Thiệt tôi chịu là học ít, nhưng mà thấy chi nói nấy, cứ lòng ngay thẳng, ai cũng đều rõ xưa nay.

Kobé 戶神 là một chỗ lớn có bảy trăm ngàn dân; còn người Tây ít lắm. Phố-phường coi ra tương-tợ với phố-phường Yokohama. Nhưng nhà tốt thì gần mé biển vũng tàu. Các sở Hãng-cho-vay và buôn-bán lớn đều ở đó cả. Những nhà buôn-bán dãy ngang, dãy dọc, xúm xích đầy dẫy. Kẻ qua, người lại, xe autos, xe điện, xe kéo, và các thứ xe khác đi chật đường. Ở phía Tây có một dãy núi ngăn địa-phận Kobé. Trên núi đó, có nhiều nhà tốt, hoặc hàng cơm, hàng buôn-bán, hoặc nhà ở. Cái hàng cơm của Nhựt-Bổn tên là « Tor-Hôtel » đẹp, lớn, mát, mẽ lắm cũng trên núi. Gần đó, có cái suối gọi là Nukobiki. Từ chỗ xe kéo đi hết được, thì đi chưng lên đến suối hết năm phút đồng-hồ. Đường lên, thì một bên núi, một bên vực sâu. Hai bên đều có quán bán đồ chơi, đồ ăn uống. Nước trắng như bạc, chảy trên cao xuống năm chục thước. Ngang suối, có một cái nhà có lợp để người ta đứng coi. Lối đó cũng

có bán hình-bóng (cartes postales) và bánh trái, rượu nhiều lắm.

Trong thành phố có cái xe điện (tramway électrique) chạy tưới đường. Nước phía trước cái xe phun ra đầy đường lạ quá. Không biết rằng xe nầy của Nhựt-Bổn bày ra làm mà dùng, hay là mua của nước khác. Thuở nay tôi thấy xe đó là lần đầu.

Dinh quan Lãnh-Sự nước Tàu thiệt tốt, theo kiểu Tây. Gần lối đó có một cái chùa lớn Nhựt-Bổn. Chùa ấy tên là « Le Shintoiste MinatogaWa-Jinja ». Cửa ngoài có song; vô sân trong rộng, có nhiều cái lều bán đồ ăn, uống và nhan, đèn cùng vật khác để cúng. Vô xít phía sân sau, thì có hai con ngựa lớn bằng đồng đen đứng trên hai cái nền cao bằng người ta, một cây súng lớn tốt cũ trên cái giá cũng cũ. Trước mặt chùa có cái chuông. Ai đến đó vái vang việc chi thì dựt chuông, rồi vỗ tay; chấp tay đưa lên trời rồi cầu khẩn.

Tôi đến coi nhà một người giã gạo trắng bằng máy nhỏ chạy điện. Tôi viếc chữ Hán mà hỏi ở đâu có bán máy giã gạo như vậy. May, tôi viếc chữ trúng, chữ trật, mà hiểu nhau đặng. Anh chủ tiệm kêu vợ ra coi nhà, người vợ đai đứa con sau lưng như đờn bà Tàu. Anh dắc tôi với ảnh lên xe điện đi (tramway électrique) chừng vài chục phút đồng hồ đến nhà người bán toàn những máy giã giạo, nhỏ nhỏ ngộ quá. Hỏi xong rồi trở về. Tôi lấy bạc trả tiền ảnh mua vé xe điện và thưởng công ảnh nữa. Song ảnh không chịu lấy. Tôi mới lén tôi bỏ hai đồng bạc vào túi áo rộng của ảnh, rồi tôi chạy mất. Ảnh kêu mấy tôi không ngó lại! Ấy vậy biết bụng người Nhựt-Bổn ở với kẻ lạ quí là bao nhiêu!

Thành phố Kobé bề dài ước chừng mười ki-lo-mết. Phía đông thì biển. Bề ngang thì hẹp lắm, vì phía Tây bị một dãy núi ngăn.

Ngoài vũng tàu đậu thì khói lên đen trời, là tại sáu bảy chục chiếc tàu lớn và mấy trăm chiếc xa-lúp phun khói ấy.

Hai đầu phố Kobé thì có sở đóng tàu, sửa tàu. Xung-quanh vũng có núi, cù-lao.

Tôi đi quá-giang chiếc tàu Nhựt-Bổn tên là Kananmaru 丸 南 河. Đứng trên sân tàu hạng nhứt mà ngó tứ-phía coi vui quá.

Chạy trong một cái biển nhỏ gọi là Biển-Trong (Mer Intérieure). Biển nầy như là em cái biển bên Tây tên là Méditerranée. Dọc hai bên mé biển núi cao, dựng ngược. Có hòn người ta ở, có hòn trồng tria, có hòn rừng xanh um. Còn cù-lao nhỏ, lớn cây xanh tốt lắm cũng như chùm bông (bouquets) không khác mấy cái cù-lao miền Singapor (Hạ-châu). Một ngày gặp vài chục chiếc tàu, còn ghe thì chẳng biết bao nhiêu mà đếm cho xiết. Nhiều tàu, nhiều thuyền là vì xứ người ta toàn cù-lao, nên phải sắm tàu, thuyền mà thông thương trong xứ và ngoại-quấc cho dễ. Xứ Nhựt-Bổn sánh ra là nước An-Gơ-Le-Te thứ nhì (2e Angleterre). Tôi lại xin lỗi cùng nước Nhựt-Bổn mà sánh cái phần đất của họ như con Nhím (Porc-Fpic). Đất cứng như da, núi như lông, nhiều mà lại nhọn, nghĩa là chẳng dễ phá khuấy họ đâu. Trong nước họ ngày nào cũng sắm thêm tàu đánh-giặc, tàu buôn-bán, tàu và thuyền đánh cá, mới ở đời đặng!

Sự vui ban ngày rồi lại tới vui ban đêm. Bề ngang biển nầy bẹp hạng nhứt là mười ki-lô-mết, rộng hạng nhứt thì sáu chục ki-lô-mết, cho nên, tối mà con mắc không cần ống dòm, ngó thấy làng-xã thắp đèn điện chói đỏ trời. Coi in là mấy dãy phố bên thành-phố Messine tại nước I-ta-lie.

Tàu chạy ba chục giờ đồng hồ thì đến thành-phố Moji 司 門. Ghé lại chỗ nầy cũng còn phần đất Nhựt-Bổn, ở theo mé biển. Dân chừng hai trăm ngàn người, phân nhau ở cả hai bên mé vũng tàu bề ngang chừng một ngàn năm trăm thước. Hai đầu vũng hẹp chừng năm trăm thước. Phố phường không có bề ngang vì núi nhiều. Tàu lớn đậu tại vũng chừng vài chục chiếc.

Có xe lửa, xe điện. Có xa-lúp đưa bộ-hành qua lại ngang vũng. Còn mấy cái xe va-gon (wagons) chở hàng hóa thì cũng có xa-lúp chở nguyên xe va-gon bên mé vũng nầy qua mé vũng kia, rồi mới ráp vào xe lửa kéo chạy.

Khi chạy ngang biển Cao-Ly (Corée) và gần cữa Port-Arthur (phần đất Mãn-châu), thì nhớ năm 1904 nước Ru-si (Russie) và nước Nhựt-Bổn đánh giặc nhau. Buồn giùm cho nước Ru-si. Lúc nớ, có một ông quan Đô-Thống-Thủy nước An-Gơ-Lai (Amiral Anglais) có qua chỗ đánh giặc coi chơi rồi trở về nước ổng. Khi đi ngang qua biển nước Bo-Tu-Ga (Portugal) gặp ba mươi lăm chiếc tàu-trận nước Ru-si sang đánh Nhựt-Bổn. Ông mới nói với ông Đô-Thống-Thủy Ru-si rằng bao nhiêu tàu đó chắc đánh không lại. Không nghe lời ổng, chạy dến biển Cao-Ly, ngan cù-lao Tsushima thì liền bị năm chục chiếc tàu Nhựt-Bổn bắn tan nát hết!

Lại còn sự tích cữa Port-Arthur như vầy:

Có một ông quan Đô-Thống-Bộ nước An-Gơ-Lai (Général Anglais), đến coi chơi binh Nhựt-Bổn phá cữa Port-Arthur. Coi rồi ổng mới la lên rằng:

« Từ nhỏ đến lớn, tôi mới đặng thấy và nghe một trăm cây súng lớn (canons) của Nhựt-Bổn bắng một lượt mà phá cữa Port-Arthur. Vậy từ nầy về sau, nếu mà tôi trở nên bị mù và điếc, thì tôi không phàn-nàn chút nào » !

Đi chiếc tàu Kanan Maru được thuận buồm xuôi gió, ai cũng mừng. Có ba hạng mà thôi; cả bộ-hành chừng một trăm người, là một Bà A-me-ri-can (Américaine) những người Nhựt-Bổn, những người Các-Chú và một người An-Nam. Bà A-me-ri-can và tôi đi hạng-nhứt ăn cơm Tây. Nhựt-Bổn hạng-nhứt sớm mai ăn cơm Nhựt-Bổn, chiều ăn đồ Tây. Còn hạng-nhì, hạng ba ăn cơm ròng Nhựt-Bổn. Bất kỳ hạng nào, uống rượu phải trả tiền riêng. Hạng-nhứt sáu chục đồng bạc (60$00). Có giấy hạ cho bộ-hành đi khỏi trả tiền thêm.

Người làm việc dưới tàu, thì toàn Nhựt-Bổn. Hết cả đều ăn mặc theo Tây. Phép tắc nghiêm vô cùng. Ăn ở với bộ-hành thiệt nhỏ-nhoi, không hút Nha-Phiến, không uống rượu say. Cả dưới tàu thanh-tịnh lắm. Cho đến đỗi, chỗ buồng bộ-hành hạng chót nằm chung với nhau trên phản, đông biết mấy, mà cũng lặng-lẽ. Tùy theo giờ, người thì đọc sách, nhựt-trình, người thì đánh nhạt, đánh cờ, người thì tập võ, đánh trái lăn. Không khi nào mà họ cất tiếng la to không nhằm lối. Họ ưng hút ci-ga, thuốc điếu, uống rượu ngọt, mát mà thôi.

Ông chủ tàu còn nhỏ tuổi lắm và vui vẽ hết sức. Có khen ổng bao nhiêu cũng không xứng. Ở chung với ổng sáu ngày đặng toàn vẹn cả. Nay tới lúc phải từ giã nhau. Vậy hai người bắt tay, cám ơn nhau. Liền tôi bước xuống đất nước Tàu lần thứ nhứt, tại thành phố Tien-Tsin 津 天.

Nước Tàu

Thường thiên-hạ đi đâu xa hay đánh chuông, trống đốt pháo, dưng lễ-vật quí-báu đặng xin kẻ khuất-mặt phù-hộ. Còn phần tôi, thì tôi nghĩ chẳng biết có nên làm như vậy không? Cây to mọc trong rừng tự nhiên cái rễ nó biết chạy ngõ nầy, ngõ kia kiếm ăn uống. Còn người ta làm ăn thì nhờ thiên-hạ. Trong khi ăn ở đời, thì tùy theo lúc, theo người, nên có khi kính-trọng, thương, sợ, hay là ghét. Làm người phải biết rằng có một mình loài người ta là có phép làm cho kẻ khác sống, chết, giàu, nghèo đặng mà thôi. Vậy người biết trọng người là phải đạo.

À còn bây giờ người nước khác đi qua nước Tàu đương loạn-ly lắm, thì người đó có Thánh-Thần giúp-đỡ họ nhờ chăng? Họ có Thánh-Thần giúp hay không rồi cuối cùng sẽ biết.

Mé biển chỗ nầy gọi là Ta-Kou. Đất thấp, bùn, không núi non, trống trải. Sự giặc-giả không thấy chi cả. Tàu lớn lắm vào sông không đặng thì đậu tại Ta-

Kou. Tàu nhỏ chạy thẳng vô đặng. Hai bên mé sông thiên-hạ làm muối, làm ruộng, trồng thứ nầy thứ kia. Nhà bằng đất đỏ của Các-chú nhiều lắm.

Chiếc tàu Kanan Maru vô thấu bến Tiên-Tsin hết bốn giờ đồng-hồ ; và đường từ biển vô đó sáu chục ki-lô-mết. Sông quanh quẹo lắm, nên phải chạy chậm. Chỗ tàu đậu sông hẹp lại còn một trăm thước, đến đỗi nhà nước phải đào một cái ụ vô trong bờ trước mặt Dinh quan Lãnh-Sự Pha-Ran-Sơ, để cho tàu chúi mũi vào đặng quày một cách hay lắm. Từ đây sấp lên phía trên hai trăm thước, thì có một cái cầu ngang sông. Nên tàu không lên xa nữa đặng.

Tại bến, tàu đậu khích bờ đất có cần đá. Hết cả chừng mười lăm chiếc. Còn xa-lúp và thuyền thì nhiều.

Không có kho chứa hàng như các cửa khác, nên chi hàng-hóa chất dọc mé sông giữa trời từ đống cao nghệu. Lần, lần, xe súc-vật, xe người kéo chở đi biết bao nhiêu và nặng hết sức, nên cái đường đi hư hại hết.

Người ta ở trong thành-phố Tien-Tsin đặng sáu trăm ngàn người, cả quan, cả dân làm ăn. Thành-phố chia hai phía phân biệt. Địa-phận của Tây và Nhựt-Bổn ở giống như một làng bên nước Tây. Rộng và đẹp xứng đáng cho mỗi nước ngoại quấc ở đó. Nước nào thì cai-trị phần đất riêng của họ, vì là nhờ nước Tàu cho phần đất ấy mà ở. Nước Pha-Ran-Sơ có lập một cái vườn bông. Nước Nhựt-Bổn cũng vậy. Hai nước đua nhau sự trồng cây và bông-hoa coi chơi cho vui.

Còn địa-phận của Các-Chú, xóm mới lập hay là sửa lại thì tốt. Còn chỗ cũ hư-tệ xấu-xa. Nhà gạch có từng lầu chật hẹp, không có gió, nhớp, đường sá nhỏ, lót đá sụp lên, sụp xuống, dãy ngang dãy dọc.

Có xe điện, xe autos, xe ngựa, xe kéo, xe đạp. Xe ngựa bất kỳ xe nhà, hoặc xe đưa thiệt tốt, sạch-sẽ. Nhà Các-Chú còn thắp đèn dầu nhiều. Đèn điện ít. Trong phố, thì chủ hay là người làm công ở trần.

Trong phố Các-Chú có lính canh tuần đông lắm. Ngoài đường đi, mỗi khúc chừng ba chục bước, có lính ăn mặc theo Tây, mang một cây súng lớn, lưỡi lê tra trên đầu súng, một cây súng nhỏ rê-vo-ve (révolver) một cây đao, và nhiều túi đạn. Đứng canh giữ các nẻo đường, ngày như đêm. Nhưng mà thiên hạ cứ làm ăn như thường, coi bộ không náo động chi việc giặc giã.

Có đôi ba anh còn giữ cái tóc bính hoài. Mấy chú nầy là một xứ với vua.

Coi chung trong thành phố, thì thấy đẹp cả, là nhờ có các Nước Chư-Hầu ở đó làm gương tốt về việc làm nhà, ăn ở sạch sẽ.

Kinh-Đô nước Tàu gọi là Pékin 北 京. Từ biển lên đó là một trăm tám chục ki-lo-mết. Từ Tien-Tsin lên thì có một trăm hai chục ki-lo-mết, ấy là đi xe lửa; đường nước không có. Đồng bằng luôn luôn chẳng thấy núi-non. Xe chạy lên Pékin một ngày bốn chiến.

Nhà Ga Tien-Tsin lớn, mà tầm thường. Một đoàn xe dài chừng hai trăm thước. Có một cái xe va-gon riêng cho ba mươi tên lính có mang súng, gươm thuốc đạn ngồi. Lính ấy theo mà thay gát cho mấy tên lính canh giữ nơi mấy cái va-gon kia.

Chỗ ngồi xe hạng nhì bao bằng mây đương; cho nên bận áo quần hàng lụa thì cọ hư hết. Phòng rửa mặt không khăng; phòng tiêu không có giấy. Tệ hết sức! Mấy người Bồi làm theo xe, mặc quần áo Các-chú, thì họ chỉ lo việc cho thuê riêng khăng nhúng nước nóng, bỏ việc công; không quét lau chùi xe dơ nhớp đầy tàn thuốc, đồ ăn rớt xuống. Trừ cái xe ăn cơm uống rượu thì sạch, dọn-dẹp khéo; người Bồi ăn mặc theo Tây cũng như mấy người chủ của họ làm việc trên xe vậy. Mấy chiếc xe tốt lắm mua của nước A-me-ri-cơ (Amérique).

Những nhà Ga thì đẹp, có lính ở giữ sợ ăn cướp. Chứa hàng-hóa ít. Mà thấy ăn mày nhiều, tàng-tật-bịnh

dủ thứ, vô thấu cửa xe bộ-hành mà xin. Lính tuần cũng dễ vậy. Còn người buôn-bán gánh-vát lại bị bắt đứng ở ngoài hàng rào.

Xung quanh, ngoài rào các nhà Ga, heo cái, dê, cừu ăn cả bầy.

Nơi đồng, thấy ngựa, lừa, la, bò, lạc-đà kéo cày, bừa, chở vật-hạng. Đất trồng lúa không đặng, mà trồng bắp, kê, bo-bo, đậu, dưa, bầu, bí, khoai củ thì tốt lắm, thẳng đến Pékin cũng vậy.

Sông sâu; cầu xe lửa chạy vừa vừa không dài, không ngắn, kiểu không khéo.

Dây thép chạy dài theo đường xe lửa. Ít dây chạy băng vào làng, chợ to. Các nhà Ga thắp đèn dầu; không dùng đèn điện. Như vậy thì biết chắc rằng trong nhà quê không thắp đèn điện.

Mấy cái xe lửa ở các tỉnh chạy về Pékin, thì vào đến chưng vách tường thành thứ nhì. Xe ở dưới Tien-Tsin lên đậu tại nhà Ga nơi cửa Tsien-Men là cùng. Ga nầy nhỏ và không đẹp cho xứng với Kinh-Đô nước Tàu.

Vừa đến Pékin, thấy mấy cái vách thành thất kinh hồn vía. Lớn quá. Tưởng của Thiên-Lôi làm! Ba bốn lớp thành để mà cự giặc.

Kinh-đô là chỗ Vua ở. Làm đã có bốn ngàn năm rồi. Bằng gạch cả. Vách thành nầy, rồi vách thành kia, kể không xiết. Người xứ lạ đến chơi thì chỉ biết ba cái thành lớn mà thôi, vì không rảnh mà đếm mấy cái thành nhỏ.

Thành thứ nhứt tên là Nei-Tcheng, cũng gọi là thành nội hay là chỗ người Ta-Ta ở (Ville Intérieure ou Tartare); Kể vòng tròn hai mươi bốn ki-lô-mết; có mười cái cửa.

Thành thứ nhì tên Houang-Tcheng, hay là thành Vua. (Ville Impériale) Kể vòng tròn là mười một ki-lô-mết, có bốn cửa, Thành nầy nằm trong thành thứ-nhứt.

Thành thứ-ba tên là Tsen-Kin-Tcheng, hay là thành Đỏ-cấm (Ville Rouge Interdite) Kề vòng tròn là bốn ki-lo-mết, có bốn cửa. Thành nầy nằm trong thành thứ-nhì.

Tôi xin cắt nghĩa tắc tên thành Đỏ-cấm :

Chỗ ông Vua ở ngay chính giữa ba cái thành đó. Nơi ấy sánh với cái sao Bắc-Đẩu là Vua (Etoile Polaire). Màu cái sao đỏ hồng-hồng đối với sự Phước (Félicité). Mấy cái sao nhỏ xung-quanh sao Bắc-Đẩu đối với Quan-dân hầu vua, (Gouvernement et Peuple). Còn cấm là không cho ai vô chỗ Đền Vua ngự ở.

Những cửa các thành đều lớn lạ lùng. Mỗi cái có đến ba hay là năm cửa vô bằng vàng sơn. Trên cửa có lầu từ một đến sáu cái, hoặc chồng nhau, hoặc ngang nhau (Vertical ou latéral).

Từ khi lập Dân-quốc thì nước Tàu đổi tên là Trung-Hoa. Tên thành Đỏ-Cấm bây giờ cải lại không cấm nữa, để thiên-hạ vào coi. Ông làm đầu bỏ vua tên là Sun-Yat-Sen (孫逸仙), người Các-chú tỉnh Quảng-Đông.

Tùy chỗ lớn nhỏ, ai vô coi thì Nhà-Nước bán giấy từ hai giác đến một đồng bạc. Giấy bán tại mấy cửa vào coi. Trừ chỗ cung điện bây giờ cầm ông Vua ở đó thì không đặng coi. Mấy nơi đó ở phía sau liền mấy cái điện để cho người ta coi.

Còn ông Giám-Quấc tên là Li-Hing-Hong (洪元黎) ở nơi góc Tây-Nam gần các Bộ trong vòng thành Vua. Nhà các Bộ theo kiểu Tây. Mấy chỗ nầy vô không đặng. Đứng xa ngó thấy nóc.

Đi cửa Đông và cửa Tây vào thành Nội.

Cửa Ngọ-Môn lớn quá. Bằng năm cửa Ngọ-Môn Triều An-Nam tại Huế. Nhiều cái vật lạ lắm, làm sách kể sao hết.

Mấy con đường đi trong nội có lót đá tấm, đồ đá sạn, đồ cát. Vườn, bồn bông, cây đẹp. Sửa san sạch sẽ kỹ lắm.

Có năm cái cầu đá cầm-thạch trắng trổ-chạm chạy ngay đến một cái cửa. Có một cái nhà cầu đi xung-quanh cũng chạy đến cửa đó. Bước vào tới sân chầu lót đá, xưa kia các quan đến lạy Vua.

Đến Thái-Hòa Điện, 殿和太.

Đến Trung-Hòa Điện, 殿和中.

Đến Bảo-Hòa Điện, 殿和保.

Ba điện nầy đứng cái trước, cái sau ; mỗi cái cách nhau một cái sân-chầu lót đá tấm. Cây cột, sường nhà đều bằng gỗ trơn, không chạm chi cho rỏ ràng, sơn xanh, lục, trắng. Màu đỏ bầm sơn mấy cây cột tròn mấy ôm mới giáp. Không có sơn thếp vàng. Mặt tiền, mặt hậu đều có cửa váng song, chạm hay là váng đặc. Nhà hai nóc ; lợp ngói ống màu vàng nghệ. Vách xông bằng gạch hay là váng. Ngói xanh, lục, tím có dùng mà ít.

Có nhiều cái nất thang bằng đá cầm-thạch trắng, chạm, sơn-ly, chạy xung quanh ba cái điện đó.

Hình con sư-tử bằng đồng hoặc bằng đá cầm-thạch có nhiều hơn hình con rồng.

Nhà trong nội đông lắm, người đi coi đếm không nổi. Cái nào cũng trống bộc. Đồ dọng hết. Có lính canh gát. Thanh vắng. Có con Nhện và con Gián nhiều. Hai con ấy có lẽ nói chuyện nhau như vầy :

Con Nhện nói : « Tao cầu chủ tao hoang, đặng tao giăng vỏng tao nằm cho nhàn tấm thân ».

Con Gián trả lời : « Tao cầu chủ tao sang, đặng tao lấy vàng tao thếp mình tao ».

Cái điện Võ-Anh 殿英武 trong khuông thành bên tay mặt. Để đồ xưa tại đó (musée d'antiquités). Đồ ngọc đá, trân-châu, ngà, xương, kiểu, sành, đất nấu, gỗ, vàng, bạc, đồng, thao, hàng, lụa, vải thuộc về đời vua nào cũng có. Đời nhà Châu, Tống cũng còn, vậy đến hơn

hai ngàn năm. Nhiều cái mũ tra mấy ngàn hột trai. Thủy-xàng có ít lắm và nhỏ. Hết cả những đồ chưng đó giá có mấy trăm triệu bạc!

Nhà nào còn làm việc quan, thì không cho phép vô coi.

Phía Tây-Bắc, ngoài thành Đỏ-cấm, có cái hồ gọi là Pei-Hai 海 北. Phải có giấy phép quan Chánh-Sứ Pha-Ran-Sơ (Ambassadeur de France) mới đến coi được. Nhưng mà lính gát nó xin tiền người coi luôn luôn. Giữa hồ có một hòn cù-lao tên là Pai-Ta 島 瓊. Xưa kia vua ngự mát chốn nầy. Nhiều cái nhà lớn, nhỏ kiểu ngộ lắm, có thang xiên-xiên quanh-quẹo, bằng đá, gạch trống giữa trời, hay là có lợp, đi lên mấy cái nhà đó. Được phép coi cả. Trừ cái lầu nóc tròn ở trên chót núi hòn lao không đặng tới. Ở dưới chưng cái nhà đó, có một cái nhà ở trong có hình con qui, con mắt trợn ra to, nhăng răng, mình mang nhiều đầu, nhiều tay, nhiều chưng bằng đồng.

Dưới hồ, có một chiếc bồng lớn để thiên-hạ thuê ra coi mấy cái nhà nhỏ và cù-lao nhỏ giữa nước, có bông sen thơm, có chim, cò, vịt nước lội đầy hồ.

Đứng trên núi hòn-lao Pai-Ta ngó thấy trong đền vua thiệt xinh hết sức. Toàn nóc nhà nào đều lợp ngói vàng như nghệ, mặt trời chói ánh khéo vô cùng.

Phía Đông Kinh-Đô, đi chừng ba chục ki-lô-mết đến chỗ vua ngự chơi mát (Palais d'Eté) như Tịnh-Tâm tại Huế. Một con đường lớn từ Kinh-Đô ra đó đều lót đá cẩm-thạch cả hai bên để cho xe chở đồ nặng đi khỏi hư. Còn chính giữa thì đổ đá thường cho xe autos và xe nhẹ chạy. Hai bên đường trồng cây lớn lắm gọi là A-ca-ci-a (Acacias). Xe autos một giờ đồng hồ thì tới.

Vòng thành chỗ Tịnh-Tâm đó làm bằng gạch, rộng lắm. Ở trong mấy cái nhà bây giờ trống-bộc. Đồ-đạt dọn đi hết. Nhà lớn, nhà nhỏ, nhà-cầu, sơn-ly, cầu lớn, cầu nhỏ, núi lớn, núi nhỏ, hang, hầm, hố, suối, kinh,

rừng, bụi, vườn, cây lớn, cây có trái ăn, bông, đường đi lớn, đường đi nhỏ, hồ lớn, hồ nhỏ, hòn-lao lớn, hòn-lao nhỏ vô số và làm kiểu ngộ quá chừng. Trên núi có nhiều cái nhà, điện tốt lạ lùng. Phải lên thang dốc hơi-hơi bằng đá cẩm-thạch. Núi cao chừng một trăm thước. Trong một cái nhà trên núi để thờ một cái hình Phật đứng cao hơn người và sơn vàng cả thảy. Mỗi cái nhà mỗi kiểu khác nhau, lớn vừa-vừa. Lợp ngói ống màu xanh, lục, tím, vàng. Chỗ Tịnh-Tâm nầy lớn và khéo bằng mười cái chỗ hồ Pei-Hai. Dưới hồ có nhiều chiếc thuyền để cho ai tới coi thì thuê đi chơi trong hồ. Vô coi phải mua giấy của mấy người Nhà-Nước bán, nơi mấy cái nhà trong vòng thành. Hai giác, năm giác, tùy theo chỗ coi lớn nhỏ. Coi cho cùng thì gần hết đôi ba đồng bạc. Ở đây cũng có chỗ bán rượu, nước chè, bánh ăn. Mấy người bán đó họ lựa chỗ nào mình đi vừa mệt và vừa khác nước thì họ dọn tại đó cho mình ngồi nghỉ ăn, uống, không khác chi như các nơi thiên-hạ đi coi trong vòng thành Kinh-Đô Pékin cũng có bán vậy.

Chỗ Tịnh-tâm nầy thì giống như mấy cái hòn non-bộ của người An-Nam làm chơi để giữa bề cạng. Sánh cách ấy là có ý để cho người An-Nam biết rằng tương tợ mà thôi. Coi rồi chẳng tiếc công, chẳng tiếc phí-tồn chút nào cả.

Có một cái vách tường của Các-Chú làm dài lắm trong Bầu-Trời ai cũng nghe tiếng rồi. Đi xe lửa từ Kinh-Đô đến đó hết ba bốn giờ đồng hồ. Các-Chú gọi vách-tường đó là vách Vạn-Lý. Thiệt nó dài đến hai ngàn bốn trăm năm chục ki-lo-mết (2450 kilomètres).

Cách bốn trăm, năm trăm năm trước Thiên-chúa ra đời (4 ou 500 ans avant Jésus-christ), các xứ bên Tàu thì còn mấy ông Chúa cai trị mỗi nước (Seigneurs). Thì mỗi nước đều làm một cái vách-tường để ngăn ngừa giặc. Sau lại tôn một ông Hoàng-Đế cai trị lại các ông Chúa mấy xứ đó. Lúc ấy về năm 246-210 trước Thiên-Chúa ra đời (246-210 avant Jésus-Christ) ông lập được

chức Hoàng-Đế tên là Ché-Houang-Fi ; rồi tôn Nhà-Tsin lên Hoàng-Đế. Từ đó về sau mấy vách-tường riêng từ xứ, từ khúc mới ráp lại dính nhau làm một cái dài cho đến đời nay còn đó, chớ chẳng phải rằng một đời Vua mà làm đặng như vậy đâu. Tính gồm lại thì vách-tường khi làm từ đoạn và khi kết nối liên nhau đến nay gần ba ngàn năm !

Tôi tiếc quá đi coi vách tường đó không đặng là vì Các-Chú đương đánh giặc nhau gần đó.

Tại Kinh-Đô, cái trường thi chữ Hán bỏ hoang. Vì không thi nữa. Vậy ông Tổ bày làm giấy, làm viết có lẽ phiền, vì không bán giấy, viết trong sự thi nữa đặng. Ông Tổ làm giấy tên là Tsai-Louen lối năm 105 sau khi Thiên-Chúa ra đời, nghĩa là đặng một ngàn tám trăm mười tám năm rồi. Còn ông Tổ bày cây viết tên là ông Đô-Thống Mong-Tiên lối năm 210 sau khi Thiên-Chúa ra đời, nghĩa là đặng một ngàn bảy trăm mười ba năm rồi.

Cũng gần phía đó, có cái chùa tên là Yong-Ho-Kong' Thờ Phật có mấy người thầy tu gọi là La-ma (Lamas)' Đến coi phải mua giấy người Nhà-Nước bán nơi cửa' ba bốn giác bạc. Mỗi cái chùa có một thầy coi giữ, biểu mỗi người vô coi phải thắp hai ba cái đèn dầu nhỏ-nhỏ bằng thau sắp trong một cái dĩa để trên bàn thờ. Mỗi cái thắp thì cho từ một giác trở lên, tùy lòng người coi. Thầy chùa thâu riêng tiền đèn mà tiêu.

Vòng thành chùa bằng gạch. Ở trong nhiều cái nhà lớn mà cũ lắm, bằng cây, vách gạch, lợp ngói ; Không chạm trổ chi. Có sơn vẽ màu xanh, lục, tím, trắng. Thầy tu đông lắm, già trẻ đủ. là người Các-Chú, người Mông-Cổ, người Ta-Ta, người Tây-Tải (Chinois, Mongols, Tartares et Thibétains). Thầy nào lo việc đọc-kinh, cúng thì ăn mặc theo việc đó ; thầy nào ở không thì ăn mặc áo dài màu nu. Hai cách ăn mặc đó thì không khác chi mấy thầy tu Phật bên An-Nam. Nhà thầy tu ở thấp mà dài lắm.

Ở về hướng Nam, trong vòng thành Ta-Ta (Tartare) có một chỗ Vua cúng Trời gọi là Tien-Tán 天壇 (autel du Ciel). Vách thành kề ra bề dài đến sáu ki-lo-mết. Lập ra từ năm 1420, là đặng năm trăm ba năm nay. Phải mua giấy ngoài cửa ba giác bạc rồi vào coi. Đi khỏi cửa, có một cái đường lớn dài thăm thẳm, có lót đá tấm lớn, có nhiều cây trụ đá cẩm-thạch trắng sắp hai bên để dựng cờ. Những cây tùng, thông, trắc-bá-diệp, a-ca-cia và nhiều thứ khác to, cao tốt và che khuất mấy cái nhà khéo lắm. Hết đầu đường, thì leo lên một cái nền đá dài. Mỗi phía đầu nền có một cái nhà tròn cao lắm. Trên chót có một trái châu (Boule) thếp vàng. Lợp ngói ống màu vàng, lục, tím và đen chói rực rở. Chỗ nầy tế Trời có lễ giống như tế Trời tại Nam-Giao bên An-Nam ở Huế.

Ngan mặt sở Tiên-Tán nầy, nhưng mà cách một cái đường rộng hết sức, có một chỗ tế Thần-Nông gọi là Sien-Nong-Tán 先農壇 (autel de l'Agriculture). Lập lên năm 1530, là đặng ba trăm chín mươi ba năm nay. Vòng thành như đo ra dài thì đặng ba ngàn bốn trăm thước. Có nhiều nhà mà không khéo. Một đám đất để Vua cày, như chỗ Tịch-Điền tại đền Vua An-Nam. Bây giờ nội trong khuông tường đó, thì làm một cái vườn để dân đến chơi vui không lấy tiền. Nhiều cuộc chơi, và ngồi nghĩ mát. Quán bán rượu, nước trà, bánh, trái chẳng biết bao nhiêu. Thiên-hạ tới lui đông vô số.

Có một miếng vườn tên là Trung-Ương-Công-Viên 園公央中 của nhà nước, vô coi khỏi trả tiền. Có chim, cá ngũ-sắc, nai, hưu, cây to cao chẳng biết mấy trăm năm. Như cây trắc-bá-diệp vòng tròn ba bốn ôm mới giáp. Có quán rượu, bánh, trái, cơm Tây nhiều lắm. Người ta vô, ra cả ngàn. Vườn nầy ở gần cửa vô thành Đỏ-Cấm (Ville Rouge Interdité), nhằm bên tay mặt của thành Vua ở.

Các quan Chánh-Sứ ngoại-quốc đều ở chung một vạt đất phía Đông-Nam trong thành Vua (Ville Impériale).

Nhà, đường đi tốt hạng nhứt trong Kinh-Đô Pékin. Nhưng coi không vui ; là vì sở nào đều có vách tường gạch cao quá, nên khuất hết mấy cái nhà tốt. Ngoài cửa ngỏ vài sở đều có hai cái hình con sư-tử bằng đồng, đá, giữ cửa. Tại Kinh-Đô người ta ưng dùng hình con đó hơn hết. Trong xóm nầy có nhiều nhà buôn-bán đồ Tây đẹp. Mấy cái đường đi đều đúc xi-măng.

Tại Kinh-Đô, có một cái đường rộng hơn hết thì đến hai trăm thước, tên là Tchang-Ngan, về mặt Bắc xóm các quan Chánh-Sứ Ngoại-quốc. Chạy dọc theo đường ấy, có nhiều nhà lầu, hàng cơm, hàng ngủ, của người Tây, của người Các-Chú làm theo kiểu Tây và dọn, sắp đặt theo Tây cả. Hạng nhứt lớn và tốt là cái nhà hàng cơm của Tây gọi là « Grand Hôtel de Pékin ». Hạng nhì là cái hàng cơm tên là « Télégraphe Hôtel », cả ăn và ở năm đồng bạc một ngày. Tử tế lắm.

Xung quanh vách thành « Đỏ-cấm » nhà hư tệ, cũ, dơ, nhớp quá. Các xóm khác cũng vậy. Dưới bờ, đường mương, vũng thì dồ dồ nhớp, nhúa dầy dầy.

Các con đường lớn, đường nhỏ, đồ đá, lót đá tấm, sụp, lồ, hang. Nhà thì gạch, ngói có lầu một, hai từng, xưa có, nay có. Nhiều cái nhà ở dọc theo mấy cái đường lớn và ngay thẳng chạy từ cửa thành nầy qua cửa thành kia thì khá và sạch hơn mấy nơi khác. Nhưng mà Kinh-Đô là một chỗ lâu đời lắm, nên nhà xưa, cũ, xấu phần nhiều, còn nhà tốt đời nay ít hơn. Trong Bầu Trời, nước nào cũng vậy.

Thắp đèn điện ít lắm. Nhiều xóm còn thắp đèn dầu. Xe điện không có (Tramways électriques). Đương sửa-soạn đặt đường sắc. Xe autos, xe ngựa tốt lắm, xe kéo, xe đạp, kiệu, thì vô số. Cái xe autos nào mà có một hai tên lính ăn mặc theo Tây ngồi trổng, thì chắc có ông quan Văn hay là quan Võ ăn mặc theo dân đi trong xe đó. Quan ăn mặc như người thường đi cẳng thì mình khó nhìn ra.

Xe kéo của nhà giàu thắp mỗi bên ba cái đèn bằng Ca-bưa (carbure) cả là sáu, đèn có từ bốn mặt lên đến tám mặt. Coi thiệt ngộ.

Ngựa cao lớn như ngựa Tây. Ngựa nhỏ cũng có. Con nào dùng cỡi và kéo xe người ngồi thì mập tốt. Con lạc-đà hình ốm yếu, mặt mày buồn bực, miệng mếu-mó như là khóc, giống in mấy người đờn bà vá khi chồng mới mất, mặt mũi thảm sầu.

Chỗ phố Các-Chú buôn bán đông lắm thiên-hạ qua lại lúc-nhúc ở về phía Nam trong Thành thứ nhứt. Đường sá chật hẹp, xe khó đi. Không có đường nước, nên hàng-hóa phải chở xe-lửa và chở trên lưng ngựa, lạc-đà, lừa, bò.

Mấy chục cái rạp hát đủ thức cả đều ở chung nhau một chỗ con đường lớn đi thẳng ra nơi sở Tế-Trời và Tế-Thần-Nông. Trong giữa phố buôn bán đông, có một rạp hát cất kiểu nửa Tây, nửa Tàu. Bất kỳ rạp hát của Các-Chú ở đâu cũng om-sòm ồn-ào quá. Phần thì nhạt đánh vang trời, phần thì người coi nói to tiếng, không phép-tắc chi cả. Lại không có nghỉ từ chập, (entr'actes) nên kẻ buôn-bán nước, bánh, trái, cho thuê khăng nhúng nước nóng lau mặt chen vào chỗ người coi lại rao nữa, nên càng rộn-ràng quá sức. Phong-cảnh (tableaux) chưng không khéo bằng rạp hát Quảng-Đông tại Hong-Kong.

Ở tại Kinh-Đô, bạc đồng, giác và su nhiều lắm. Bạc giấy ít dùng.

Người xứ nầy làm công rẻ. Cu-li mỗi ngày chừng hai ba giác. Người bồi lương một tháng từ sáu đồng bạc đến mười hai đồng. Một ki-lô nước đá ba su. Tuy ăn uống rẻ, mà sao ăn mày nhiều vô cùng. Thường hay đến nơi các nhà Ga xe-lửa và chỗ nào chơi bời đông thì đến xin. Những kẻ-lạ đến chỗ nầy chơi mà thấy bịnh, tật gớm ghê thì động lòng thương sự khốn nạn của họ. Tại Kinh-Đô dân đặng một triệu người ở

xung-quanh đền-đài, lầu-các của Nhà-nước sang trọng lắm ; mà sao không lo nuôi cầm lại một nơi những kẻ nghèo, tật, bịnh ấy ?

Dân Pékinois là người Kinh-Đô coi ý ăn ở vô phép, cách ăn-nói, cách ăn-mặc. Nhiều người hồn-hào, ở trần, quần vén đến háng, đi tiểu-tiện không kiên-dè kẻ qua đường. Bên nước An-Nam, một đôi ông Pha-Ran-Sai không ưng cho người An-Nam theo phép tắc Pha-Ran-Sai lại biểu họ phải học lễ-nghĩa Đức Khổng-Tử. Vậy xin mấy ông Pha-Ran-Sai đó đừng rước mấy người Các-Chú vô phép qua làm thầy người An-Nam.

Nhiều người còn dề binh nhỏng nhảnh, thuộc về xứ nhà vua, nên ý còn trông lập Triều lại như xưa.

Lính Bô-Lích ý không mau mắn giúp đỡ kẻ qua đường nhờ việc nầy, việc kia. Bụng họ binh người một nước với họ hơn người lạ.

Bên nước Tàu, về các miền phương Bắc, không hay dùng vẽ, chạm con rồng, con phụng, con qui, con dơi. Màu xanh, lục, tím, trắng thì dùng nhiều trong sự vẽ và sơn.

Tại đền, đài xứ Pékin không có dùng trụ đồng ba cửa. Bên nước An-Nam, trong Đền Vua, nơi các Lăng Vua thì nhiều trụ đó lắm và khéo vô cùng. Vậy có khi An-Nam tự nhiên bày ra đúc mà dùng riêng, chớ không phải bắt chước bên Tàu. Hay là bắt chước nước khác chăng ? Không rõ sự tích nầy.

Cách mười hai năm nay, Kinh-Đô nhộn-nhàng. Phế Hoàng-Đế hiệu là Tuyên-Thống, cầm lại một nơi.

Liền lập Dân-Quốc.

Bây giờ dân được nhờ vui mừng.

Từ Pékin đi xe lửa đến Shanghai 海上 hết bốn mươi bốn giờ đồng hồ. Trên xe lửa xấu tốt đã nói rồi về xe đi từ Tien-Tsin lên Pékin, giống như xe đi Shanghai.

Mà lại phải nói thêm nữa rằng đồ ngủ là mền, gối dơ nhớp, rách-nát hết.

Xe đi nửa đường tới tỉnh Nan-Kin, chỗ nầy dân ở chừng ba trăm ngàn người (300.000). Phải sang sông, đổi xe lửa. Chạy gần một ngày, thì hai bên đường xe không có chi hay mà kể. Lối chiều đến mấy cái gò, nổng nhỏ. Chỗ thấp có ruộng lúa, trâu cày, bừa. Gần đến Shanghai thì đất thấp, nước nhiều nên ruộng lúa, tốt. Không núi-non.

Phố phường xứ Shanghai 海上 có chín trăm ngàn dân. Trong tám chục năm rồi mà dựng ra được chỗ nầy nên một cái cửa buôn-bán lớn hạng nhứt trong toàn nước Tàu. Năm 1842, Nhà-Nước Tàu làm tờ giao-ước cho phép các Nhà-Nước Ngoại quấc đến làm ăn. Nhờ các nước đến ở buôn-bán mới đặng thạnh lợi như vậy. Nên suy nghĩ mà coi rằng nếu cái Bàn-Tay-Trắng (người Tây) rờ chỗ nào, thì liền chỗ ấy hóa ra một Viên-Ngọc (Perle). Vì vậy, Các-Chú gọi cái Bàn-Tay đó là bà con ruột với Quỉ. Họ sánh như vậy cũng phải. Là vì chỗ thành-phố tốt cho đến đổi sánh đặng rằng Con-Gái của Phương-Tây (Europe Fille), nghĩa là Phương-Tây nhỏ. Xin như ngọc-thủy-xàng! Nước nào cũng lập ra địa-phận riêng xứng-đáng lắm. Nhà ở, nhà buôn-bán to lớn rộng rãi, đẹp, cao, hơn hết cả bên xứ Phương-Đông (Asie). Từ Port-Saïd đến Pékin bên Tàu và đến Tokio bên Nhựt-Bổn không có chỗ nào đối đặng! Đường đi lớn, nhỏ, vườn bông, vạt đất để trống chơi, sạch sẽ quá. Dưới sông chừng ba chục chiếc tàu lớn đậu. Xe điện, xe autos, và các thứ xe khác đi cùng đường. Trong kinh đầy những ghe-thuyền. Ấy là phố-phường chỗ dân Vạn-Quấc ở.

Còn phố-phường toàn theo kiểu Các-Chú thì thua xa biết bao nhiêu. Có dãy nhà thì coi vui-vẽ, có dãy lại vô duyên. Có một cái hồ nhỏ xíu bề tròn chừng năm chục thước, nước đen như mực, thúi tha, mà một cái nhà tròn ở chín giữa bán cháo, bánh, cơm. Người đến ăn

dông lắm. Xung quanh hồ dầy những nhà buôn bán đủ thứ. Đường nhỏ chật hẹp, bẩn thỉu quá. Rác và đồ dơ quăng đầy các đường mương.

Có lính-tập người Bắc-Kỳ hầu quan Lãnh-Sự Pha-Ran-Sơ. Bên Tàu chỗ nào có Lãnh-Sự thì phần nhiều chỗ có lính đó hầu cả. Có Người Sàigòn và Người Bắc-Kỳ làm đủ nghề ở đây. Người Sàigòn đông bằng người Bắc-Kỳ. Giỏi cả, được chủ khen lắm. Ông Đồ-Đức-Ký, người Bắc-Kỳ, có mở nhà buôn-bán đồ thêu, đồ cẩn, đồ kiểu, đồ sành và các thứ hàng hóa khác nữa. Ông ở tại đường Kractzer, số 4.

Tàu lớn lắm vô đậu trong sông trước mặt thành-phố. Tên sông là Houang-Pou, chảy thẳng ra biển,chớ không phải là sông con của sông Yang-Tseu-Kiang. Hai bên bờ thì là đất có trồng tria, không núi-non. Tàu chạy một giờ đồng-hồ đến biển.

Từ Shanghai đi tàu đường biển xuống xứ Swatow 汕頭 là chỗ hai trăm ngàn người Triều-Châu ở, hết một ngày rưởi. Mà dưới Hong-Kong đi lên đó cũng hết một ngày rưởi. Gần một năm nay, xứ Swatow bị động đất, nước lụt hư hại nhiều lắm. Vạn-Quấc có góp tiền giúp. Nay sửa lại gần rồi cả. Nhà quê hư hại nhiều hơn. Từ đây ra biển đều núi non liên-lạc, cửa sông hẹp lắm, vì tại núi ép lại. Địa-cảnh coi vui.

Thành phố toàn Các-Chú ở nên không đặng khéo lại dơ dáy. Người Ngoại-Quấc ở đây ít lắm. Nên nhà ở, hoặc buôn bán không lớn và không đẹp, vừa theo lúc nầy đủ cần-dùng mà thôi. Có nước máy và đèn điện như các nơi Thành phố bên Tàu. Có một thứ xe kéo chạy trong phố mà thôi. Đánh me (Phán-tháng) dầy đường. Ở bên kia sông có mấy cái nhà quan Lãnh-Sự các nước cất trên núi. Chừng mười chiếc tàu lớn đậu giữa sông.

Từ Hông-Kong đi vô thành phố Kwouang-Tchéou, ấy là tên Các-Chú đặt, thuộc về tỉnh Quảng-Đông hết

bốn giờ xe lửa, hoặc tám giờ xa-lúp. Bây giờ đương giặc-giã, có ăn cướp nhiều, nên đi xa-lúp tiện hơn. Ở Hông-Kong qua đó mỗi ngày bộ-hành đi chừng ba bốn ngàn người. Tàu chạy theo dọc biển núi-non, cù-lao nhiều, có cảnh đẹp, vui. Chạy ngoài biển hết bốn giờ, rồi mới vào sông tên là Si-Kiang Hai bên bờ sông có núi lớn, núi nhỏ. Vài cái núi trên chót có tháp cao bằng gạch. Vô gần đến thành-phố hết núi. Tây gọi thành-phố ấy là Canton, là chỗ chánh tĩnh Quảng-Đông. Dân ở đó chừng một triệu người.

Hai bên bờ sông Si-Kiang đều có người ở. Ba chục chiếc Xa-lúp đậu một chỗ, cạn, chật, ghe thuyền đông, vui, rộn-ràng ; mười chiếc tàu lớn đậu chỗ khác sâu, rộng-rãi, cũng vui.

Đường dưới mé sông coi xin đẹp mắt, là nhờ mấy nhà buôn bán lớn, nhỏ, nhà hàng cơm, ngủ của Tây, Các-Chú đến tám từng lầu. Cái hàng cơm và ngủ Các-Chú mà theo cách Tây gọi là « Asia-Hôtel » đến bảy từng lầu. Buồng ngủ từ hai đồng rưỡi một ngày, ăn cơm Tây hay là Các-Chú phải trả tiền riêng. Trên lầu chót vót, có đám hát Quảng-Đông, đám hát Xiếc (Cirque) Quảng-Đông mà không thú-vật, đám hát ci-né-ma. Một người lên coi ba đám hát trả có ba giác bạc mà thôi ; rẻ quá.

Trong các phố, thiên hạ đánh-me biết bao nhiêu. Bày ra gần hàng ba nhà. Ấy vậy là một sự hư hại thêm cho dân nữa.

Trong thành-phố thuộc về hướng Tây-Nam, có một cái cù-lao cát bề tròn chừng hai ki-lô-mết, là nơi để cho dân Tây đến ở làm lầu-đài, nhỏ mà đẹp. Chỗ nầy địa-thế xin lắm, vườn bông, đường nhỏ mà ngay thẳng. Trong địa phận của Tây nầy, kiệu đi được mà thôi. Còn các thứ xe ngoài thành-phố đến, thì phải đậu tại đầu hai cái cầu ngắn bằng đá, có nất thang đá leo lên mới qua cầu. Vì hai cái cầu theo kiểu xưa có từng nất như vậy, nên mấy người ở trong cù-lao có xe cũng

phải đề bên thành-phố. Có hai cái cầu đó mà thôi, chớ không có cầu khác mà qua địa phận Tây ở. Trong hai cái cầu đó, có một cái mới sửa lại xe đi được, nhưng mà cũng cứ cấm không cho xe qua.

Thành-phố nầy là Kwang-Tchéou 州廣, hay là Canton 東廣 sự tích giặc-giã, buôn-bán xưa nay có tiếng đồn cũng như Shanghai và Pékin vậy. Phân nửa phố, về phía Đông, đương sửa-soạn dọn-dẹp phá làm lại cả. Nhiều nhà gạch có từng lầu ở theo dọc đường nhỏ, đường lớn đến một trăm thước bề ngan. Mới khởi sự làm xe điện, (tramways électriques) đặng tranh với xe autos, xe ngựa và xe kéo. Nhiều chỗ lập vườn bông rộng-rãi, có nhà đánh nhạc để thiên-hạ đến chơi mát. Ấy là đương làm chừng nấy đó, chớ công cuộc còn làm nhiều biết bao nhiêu.

Còn phân nửa cái thành-phố chưa sửa đến. Còn y như xưa, đợi thủng thẳng rồi nhà-nước sẽ sức phá làm lại kiểu nay. Bây giờ thì cũ, xiêu, tệ lắm. Đường đi có lót đá, chật cho đến đỗi xe kéo đi không lọt. Dơ, nhớp quá, rát đồ trong mấy cái đường chẹt đó cao nghệu nghệu cũng đã mấy ngày rồi mà không hốt đi. Mấy cái kinh nhỏ, cống, mương, nước đen như mực, hôi thúi hết sức, vì bị ứ lại, chảy không đặng. Còn mấy cái cầu tiêu chung, thôi bẩn-thỉu nói sao xiết. Bên đất Tàu, chỗ phố-phường nào còn xưa thì dơ dáy vậy cả. Nhà-Nước sợ bắt phá nhà cữa, rồi dân-sự thang-vang, nên thủng thẳng làm lại lần lần.

Ngoài đường thấy lính đi đông lắm. Bộ mệt nhọc, đi về đồn, trại, quần áo lôi-thôi, cu-ly mang súng và bao thuốc-đạn, súc-vật chở đồ nấu-ăn. Linh đó là đi đánh-giặc các làng, tổng xa thành-phố, không nghe súng nổ đến, nay họ trở về.

Sự sấp đặt nước Tàu lại là ông Sun-Yat-Sen làm đầu trước. Sánh ổng như là học-trò của ông Tây tên là Washington và Franklin. Hai ông nầy là người An-Gơ-Lai khi xưa lập ra Chánh-Chung xứ A-Mé-Ri-Cơ (Etats-Unis).

Ông Sun-Yat-Sen ưng lên khai hóa cho dân nhờ là có lẽ ông nghĩ hai đều nầy:

Có hư hại, mới có lợi đặng (A quelque chose, malheur est bon).

Có cực, mới có sướng (Pas de rose sans épines).

Bây giờ trở về qua cù-lao Hải-Nam. Từ Hong-Kong đi một ngày đến. Xứ Hải-Nam làm ra một Phủ, dân toàn cả là hai triệu người. Bờ cù-lao phía Tây hiểm-nguy lắm, vì có nhiều cồn cát, cồn đá nằm dưới nước không thấy. Nhiều chiếc tàu bị đụng luôn. Hiện bây giờ có hai chiếc tàu Nhựt-Bổn chìm còn thấy cột buồm.

Nội cù-lao Hải-Nam tàu ghé đặng có một chỗ mà thôi, gọi là Hải-Khẩu (Hai-Hao). Vũng cạng, nên tàu phải xán neo ngoài biển. Xà-lúp vô bờ được mà thôi. Mỗi ngày tại vũng chừng năm, sáu chiếc tàu lớn đậu. Từ trong thành-phố ra tàu, ghe chạy buồm hết hai giờ đồng hồ. Khi trời động thì ghe ra không đặng.

Dân tại thành-phố Hải-Khẩu chừng hai ba trăm ngàn người. Nhà cửa xưa, cũ, xấu. Đường đi chật hẹp, có vài cái xe kéo mà thôi chạy trong phố, không có xe chi khác nữa. Ai muốn đi qua làng nầy, tổng kia thì dùng kiệu. Không có xe lửa; sông nhỏ, cạn xa lúp và ghe lớn chạy đi không đặng.

Tại cù-lao Hải-Nam có Mọi, có Chàm-Hời. Hai dòng ấy cứ lấy vợ trong dòng của họ mà thôi. Không chịu lấy vợ, chồng với người Các-Chú và nước khác.

Mấy người Hải-Nam đương lo ăn ở theo đời nay như mấy người dân ở các tỉnh trong đất liền.

Tôi hết đi đâu nữa rồi. Bây giờ tôi xin cầu cho người dân Chánh Chung Các-Chú phải đãi cho tử tế mấy người dân Nước-khác đến ở bên Tàu.

Xin họ bỏ thói ở trần để rún và vén quần khỏi bấp vế khi có thiên hạ.

Xin họ đừng gãi, móc nơi chỗ tục-tiểu trước mặt thiên-hạ.

Xin họ đừng khạc, nhổ om sòm và xin nhổ vào ống nhổ hay là nơi nào đáng nhổ thì nhổ.

Tôi chẳng biết rằng mấy lời tôi ước-ao đó có đặng chăng? Ngày sau mới rõ họ sửa lại hay không tánh-nết ấy.

Bên Tàu tục-lệ không cho người đờn-bà giàu có đứng buôn-bán một mình hay là với chồng. Đờn bà nghèo thì mặc ý buôn-bán, làm thuê được.

Tôi làm hai cuốn sách phân biệt nhau mà dẫn tích tôi đi chơi bên Nhựt-Bổn và bên Tàu. Một quyển chữ Pha-Ran-Sai, một quyền chữ Quấc-Ngữ. Xứ nào, người nào, vật chi thì đều có sự tốt, sự xấu. Tôi cứ ngay tỏi nói chẳng binh ai, chẳng bỏ ai. Vậy xin chớ trách tôi, vì tôi lấy lẽ công bình.

Tôi xin bàn việc sau nầy:

Nhà Nước Pha-Ran-Sơ có lòng tốt giúp đở người An-Nam được toàn vẹn xưa nay. Vậy xin người An-Nam cứ giữ một lòng đeo theo Nhà Nước Pha-Ran-Sơ mà nhờ luôn đời đời. Nếu có lòng trở trái thì phải bị nạn lớn; không khác chi té vào hang sư-tử! Tôi nhờ lòng rộng-rãi Nước Pha-Ran-Sơ tôi làm ăn ra tiền mới đặng đi chơi xa như vậy. Từ Huế tôi đã sang Paris hai lần rồi. Từ Huế tôi đã sang đến Tokio, Pékin một lần. Nghĩa là tôi đã đi đặng nửa vòng cầu trái-đất. Như vậy con mắt tôi đã thấy đặng nhiều đều lạ, biết sự hay sự dở. Cho nên các việc thuật lại trong sách nầy, tôi tưởng cũng có ích cho những người chưa biết các miền tôi đi đó. Trừ ra một đôi câu nói chơi, nói bóng và lầm lỗi tự nhiên một hai đều, còn bao nhiêu là sự thiệt cả. Vậy xin đọc sách tôi và đem lòng tin tôi.

Vậy Tôi đã hứa rằng để rồi tôi khai Thánh-Thần nào giúp người đi đường. Vậy các Thánh, Thần giúp đỡ tôi đi đường, ăn ở chỗ nầy chỗ kia đặng toàn vẹn, mạnh giỏi và dẫn tôi trở về đến nhà sức-lực khỏe hơn trước nữa, thì tôi đã cúng tạ-ơn hết bảy trăm đồng bạc. Về nhà vợ con mừng rỡ ngày 25 Août 1923, khi hai giờ sáng.

Huế, Octobre 1923

BÙI-THANH-VÂN

HẾT



KỂ TỪ LỐI







Kể mấy cuốn sách của ông Bùi-Thanh-Vân làm rồi

Relations de voyage en France.	0 $	60
J'ai vu le Japon et la Chine en français.	0	60
J'ai vu le Japon et la Chine en quốc-ngữ	0	60
De Hué à Yunnamfou........	0	40
L'Annamite de la France...........	0	35
Relations de voyage aux Temples d'Angkor	0	30
Aux Tombeaux Impériaux de Hué...	0	25
La Caisse d'Epargne Annamite.... .	0	20
La Couveuse Humaine............ .	0	20
Le Cheval Annamite..	0	20
Au Pays des cultes	0	15
Les Montagnes de Marbre de Tourane.	0	15